

Chủ Giảng: JHADO RINPOCHE

Việt ngữ: Hồng Như

ĐƯỜNG VÀO KALACHAKRA

[INTRODUCTION TO KALACHAKRA]



ẤN BẢN ĐIỆN TỬ – KHÔNG BÁN

Đường vào Kalachakra

Chủ giảng: Jhado Rinpoche

Việt ngữ: Hồng như





hongnhu-archives

Ấn bản điện tử 2016

FREE BOOK – NOT FOR SALE

SÁCH ẨM TỔNG – KHÔNG BÁN

Tùy nghi sử dụng với điều kiện giữ nguyên nội dung và không bán

Prerequisites: Everyone can read; full Kalachakra empowerment is required in order to practice.

Điều kiện hành trì: Mọi người đều có thể đọc, nhưng chỉ có thể hành trì sau khi thọ thọ đại pháp quán đảnh Kalachakra từ bậc đạo sư truyền thừa chân chính.

English version © Jhado Tulku Rinpoche

Vietnamese version © Hồng Như Thubten Munsel 2008

Hình phát họa: Pundarika, họa sĩ khuyết danh,

Nguyên bản Anh ngữ: *Introduction to Kalachakra*

Jhado Rinpoche thuyết giảng tại Bồ Đề Đạo Tràng , Ấn Độ 01/2002

<http://kalachakranet.org/teachings/comJR02d.zip>

<http://kalachakranet.org/teachings/qaJR02d.zip>

Mọi sai sót là của người dịch

Mọi công đức xin hồi hướng vô thượng bồ đề.

*Bài giảng dành cho đại chúng,
không cần nhận pháp quán đảnh
Kalachakra vẫn có thể đọc.*

*Nhưng muốn hành trì cần thọ đại
pháp quán đảnh Kalachakra từ bậc
đạo sư truyền thừa chân chính.*

MỤC LỤC

Lời Dịch Giả	5
Phần 1. Bài giảng	10
<i>Tóm lược đại ý</i>	12
1. <i>Đặc điểm của Phật Giáo</i>	15
2. <i>Đặc điểm của Đại thừa</i>	18
3. <i>Đặc điểm của Kim cang thừa</i>	21
4. <i>Đặc điểm của Mật tông tối thượng du già</i>	25
5. <i>Đặc điểm của mật pháp Kalachakra</i>	29
6. <i>Pháp Quán Đảnh Kalachakra</i>	34
Phần 2 : Hỏi Đáp	59

LỜI NGƯỜI DỊCH

Mặc dù Phật tử trong nước khó lòng có cơ hội gặp đấng đạo sư kim cương truyền mật pháp Kalachakra, tuy vậy sách này vẫn đầy lợi ích, vì mặc dù nói riêng cho mật pháp Kalachakra, nhưng mang lại cho người đọc cái nhìn tổng quan và chính xác về mật pháp Tây Tạng. Người đọc nếu đã từng nhận pháp quán đảnh khác, có thể nhờ bài pháp này trau dồi thêm về pháp tu của mình; nếu chưa từng nhận mật pháp, có thể dựa vào bài pháp này để xác định đâu là tinh túy của mật tông chánh pháp, phân biệt với các pháp tu mật tông mạo danh Phật Pháp.

Đại sư Jhado Rinpoche¹ là bậc tái sinh dòng Gelug. Ngài sinh năm 1954 tại Namtso Lake, Tây Tạng. Năm lên ba, ngài được xác nhận là đấng hóa thân của viện trưởng Học Viện Jhado đời thứ sáu. Thọ giới xuất gia năm lên mười, ngài tu học tại Đại Học Viện Sere Je tại Nam Án, đạt bằng Geshe Lha Rampa, là bằng tiến sĩ Phật học cao nhất dòng Gelug, rồi tiếp tục tu học Mật tông tại Guyto Tantric College. Ngài từng được

¹ Rinpoche nghĩa là trân bảo, dành cho những bậc tái sinh, hay những bậc tu chứng trong đời này.

bổ nhiệm làm viện trưởng Tu Viện Namgyal, là tu viện riêng của đức Đạt Lai Lama, trong thời gian 1997-2004.

Phật tử Tây phương đặc biệt cảm mến ngài nhờ phương pháp giảng dạy độc đáo, sắc bén. Bài giảng của ngài bao giờ cũng sâu sắc, cô đọng, dễ hiểu, luôn đáp ứng được thắc mắc cá nhân của người nghe. Không những vậy, Phật tử còn vô vàn mến thương vì thái độ ngài luôn từ hòa, tấm lòng ngài luôn bao la rộng mở.

Đây là một bài giảng trân quý, do một bậc thầy trân quý, giải thích về một pháp tu trân quý. Vì những lý do trân quý như vậy chúng tôi nghĩ sách này nên chuyển ngữ. Phật tử nào quan tâm đến Phật Giáo Tây Tạng đều có thể dựa vào đây để tìm hiểu thêm về mật tông chánh pháp.

Tuy vậy, sách này chỉ là lời giới thiệu tổng quan, không phải là cẩm nang hành trì. Chưa trực tiếp nhận pháp quán đánh từ bậc đạo sư kim cang chân chính mà tự ý hành trì theo pháp này thì sẽ tạo chướng ngại lớn lao cho đường tu giác ngộ của chính mình. Xin quý vị quan tâm lưu ý điểm này.

Nguyện bài dịch này gieo chút duyên lành, đưa mọi người về với căn nhà ngọc báu kim cang, mau chóng thoát khỏi bến mê vượt sang bờ giác.

Hồng Như Thubten Munsel

04/2008



PUNDARIKA

Sơ tổ dòng truyền thừa Kulika
mật pháp Kalachakra

PHẦN 1. BÀI GIẢNG

Hôm nay thầy sẽ nói về Kalachakra. Quý vị đến Bồ Đề Đạo Tràng lần này phần lớn là để nhận pháp quán đảnh Kalachakra từ đức Dalai Lama. Thầy rất cảm ơn sự hiện diện của quý vị. Bản thân thầy đến đây cũng để nhận pháp quán đảnh. Vậy xét trên mặt này, chúng ta giống nhau, cùng đến đây vì Kalachakra.

Buổi giảng ngày hôm nay nhằm giúp quý vị khỏi phí phạm cơ hội quý báu này. Chúng ta đến đây là để giúp đỡ lẫn nhau, vì vậy rất mong bài giảng tối nay sẽ mang nhiều lợi ích đến cho tất cả. Thầy xin chia sẻ cùng quý vị những gì thầy biết về Kalachakra.

Xin đừng nghĩ thầy đến đây để kiếm thêm đệ tử. Thầy không giảng pháp dưới danh nghĩa một đấng đạo sư. Nghe xong bài giảng này, quý vị không trở thành đệ tử, thầy cũng không phải là đạo sư của quý vị. Đây chỉ là một buổi nói chuyện thân mật: thầy đến đây chỉ để chia sẻ hiểu biết cùng quý vị.

Bài giảng này sẽ kéo dài ít nhất hai ngày, mỗi ngày hai tiếng, từ sáu đến tám giờ tối. Vì thời gian có hạn, thầy xin nói ngắn gọn trong vòng một tiếng rưỡi, nửa tiếng còn lại để dành cho

mọi người nêu thắc mắc. Thầy không biết hết về Kalachakra, nhưng sẽ cố gắng trả lời mọi câu hỏi. Biết đâu sẽ chẳng có những câu hỏi cực kỳ thông minh, mang lại tầm nhìn mới mẻ về Kalachakra, nhờ đó bản thân thầy cũng được lợi ích. Vậy nửa tiếng còn lại, xin quý vị cứ tự nhiên nêu thắc mắc.

Tóm lược đại ý

Qui y Tam bảo là cánh cửa dẫn vào Phật Pháp, chung cho mọi pháp môn trong Phật đạo. Còn tâm bồ đề là cánh cửa dẫn vào Đại thừa. Vậy theo lệ thường, trước khi nghe giảng về Phật pháp, xin quý vị hãy dọn tâm cho thật trong sáng để phát khởi tâm qui y Tam bảo và phát tâm bồ đề, lấy đó làm động cơ nghe pháp. Chúng ta hãy đọc chung với nhau ba lần lời nguyện qui y Tam bảo và lời nguyện phát tâm bồ đề. Trung tâm ở đây cũng đã chuẩn bị sẵn mọi thứ cần thiết để cúng dường mạn đà la, vậy sau khi đọc xong lời nguyện qui y và phát tâm bồ đề, chúng ta đọc thêm lời tụng cúng dường mạn đà la.

Là đệ tử sắp nhận pháp quán đánh Kalachakra, chúng ta cần biết rõ muốn nhận pháp quán đánh này cần hội đủ những điều kiện nào. Vì căn cơ của đệ tử có nhiều mức độ, sơ căn, trung căn, thượng căn, cho nên điều kiện cần có để nhận pháp quán đánh cũng có nhiều mức, tương ứng với từng loại căn cơ của đệ tử trước khi nhận pháp.

Nói chung, khi nhận pháp quán đánh, quý vị cần hiểu rõ sự khác biệt giữa Phật giáo và những tôn giáo không phải Phật giáo, đây là nét đặc thù của Phật giáo so với mọi tôn giáo khác.

Đồng thời, quý vị cũng cần hiểu rõ sự khác biệt giữa những tông phái khác nhau trong Phật giáo, hiểu rõ Phật giáo Nguyên thủy khác Phật giáo Đại thừa như thế nào.

Chọn tu theo khế kinh Đại thừa là đương nhiên trở thành Phật tử Đại thừa. Lúc ấy lại cần phải hiểu vì sao Phật giáo Đại thừa được gọi là cỗ xe vĩ đại, phải hiểu đây là đặc điểm của Phật giáo Đại thừa. Hiểu được tầm vóc quý giá của Đại thừa rồi, chúng ta lại còn phải hiểu rõ sự khác biệt giữa hai chi nhánh trong Đại thừa là Ba-la-mật thừa² và Kim cang thừa³. Ba-la-mật thừa còn gọi Đại thừa Hiển tông. Kim cang thừa còn gọi là Đại thừa Mật tông.

Chúng ta cần tìm hiểu xem vì sao lại nói phương pháp tu Mật tông quý giá thâm diệu hơn phương pháp tu Hiển tông. Mật tông có gì đặc biệt mà gọi là thâm diệu hơn? Chắc chắn không phải vì có nhiều nghi lễ với dụng cụ đẹp đẽ như bình bát, chuông, chày kim cang, tượng ảnh hay nhạc khí. Tất cả những thứ này chỉ là hình thức bên ngoài, tự chúng không thể là nguyên do khiến Mật tông thâm diệu hơn Hiển tông, và cả

² *Paramitayana*

³ *Vajrayana*

ngoại đạo, cũng có khi dùng những dụng cụ tương tự. Vậy cần hiểu rõ nội dung của giáo pháp Kim cang thừa để thấy rõ Kim cang thừa có những đặc điểm gì mà lại gọi là thâm diệu. Đây là điều cần phải hiểu cho thật rõ.

Mật pháp trong Mật tông được phân thành bốn bộ, bộ cao nhất gọi là Mật tông tối thượng du già⁴. Ở đây cũng vậy, chúng ta cần hiểu rõ vì sao Mật tông tối thượng du già lại được xem là thâm diệu hơn ba bộ còn lại. Lại thêm một điều cần phải thấy cho rõ.

Ngoài ra, các mật pháp thuộc về Mật tông tối thượng du già cũng được phân thành nhiều loại. Có nhiều cách phân loại, tùy theo hệ cựu dịch là dòng *Nyingma*, hay tùy theo hệ tân dịch là ba dòng *Gelug*, *Kagyü* và *Sakya*. Hệ cựu dịch có những pháp Bốn tôn du già⁵ đặc biệt, và hệ tân dịch cũng có nhiều pháp Bốn tôn du già đặc biệt thuộc Mật tông tối thượng du già, ví dụ như *Hevajra*, *Vajrabhairava* và *Chakrasamvara*. Trong số những mật pháp thuộc về Mật tông tối thượng du già, Kalachakra ngày nay được toàn cầu biết đến. Mật pháp này trước đây chỉ phổ biến quanh vùng Tây tạng, Mông cổ và Ấn độ, nhưng ngày nay đã lan rộng trên toàn thế giới. Điều này chúng ta sẽ có dịp nhắc đến trong lần nói chuyện sau.

⁴ *anuttarayogatantra*

⁵ *deity yoga*

Để hướng dẫn quý vị tìm hiểu thêm về Kalachakra, thầy sẽ giải thích về chức năng huân tập của pháp quán đánh trong giai đoạn khởi hiện⁶ và trong giai đoạn viên thành⁷. Quý vị cần tìm hiểu trong khi nhận pháp quán đánh mình phải quán tưởng những gì, sau đó sẽ nhận về loại ấn tượng nào, sẽ phải tu theo phương pháp nào, và tu như vậy là để thành tựu những gì. Nếu quý vị chịu khó học hỏi ghi nhớ ý nghĩa và quá trình diễn tiến của pháp quán đánh, vậy đến khi ngồi nhận pháp, quý vị sẽ không cảm thấy ngỡ ngàng, có thể đại khái hiểu được những gì đang xảy ra trong buổi truyền pháp.

1. Đặc điểm của Phật Giáo

Như đã nói trong phần đại ý, điều đầu tiên nên biết, là Phật giáo khác ngoại đạo như thế nào. Trên thế giới có nhiều tôn giáo, vậy Phật giáo có gì đặc biệt? Chắc chắn không phải đặc biệt vì nghi lễ cúng dường, cúng hoa, cúng hương, qui đánh lễ, v.v... Việc như vậy chưa chắc đã thuận với Phật Pháp. Làm như vậy chưa chắc đã là Phật tử.

Khế kinh có nói, qui y là vì tâm nguyện cầu giải thoát mà về nương dựa nơi Phật, Pháp, Tăng. Phật Pháp Tăng là Tam bảo, là đối tượng của tâm qui y, có khả năng chở che chúng sinh thoát khỏi mọi khổ não. Chở che không chỉ trong một đời, mà

⁶ *generation stage*

⁷ *completion stage*

cho mọi kiếp về sau và mãi mãi. Tam bảo sẽ luôn giúp chúng ta thành tựu mục tiêu cao nhất. Trong cảnh sống luân hồi, bất cứ vấn đề nào, khổ đau nào, cũng đều phát xuất từ nghiệp chướng phiền não tích lũy trong dòng tâm thức của chúng ta. Vì tích tụ nghiệp chướng phiền não trong tâm thức cho nên mới phải chịu quả, là những kinh nghiệm khổ đau mà chúng ta phải trải qua trong cuộc sống.

Qui y Tam bảo là quay về nương dựa nơi Tam bảo, nhờ đó có thể thoát được nghiệp chướng phiền não, thành tựu kết quả tối hậu là cởi thoát toàn diện mọi khổ đau và nguyên nhân của khổ đau. Quay về nương dựa Tam bảo để giải thoát khổ đau là động cơ tu hành chính của Phật tử hàng sơ căn.

Trong khế kinh, Phật dạy nên qui y tại tâm của mình, không qui y nơi nào khác. Ví dụ có người trong tâm thức tích lũy ác nghiệp nhiều đời, đời này lại để tâm tha hồ nổi tham sân si, như vậy chắc chắn sẽ phải chịu quả khổ. Còn ngược lại, mỗi khi tâm bất thiện nổi lên, nếu biết cố gắng áp dụng biện pháp hoá giải, ác nghiệp sẽ từ từ thanh tịnh, trí giác mỗi lúc mỗi thêm khai mở, tâm từ từ thuần hóa, càng lúc càng có khuynh hướng tạo nghiệp lành, càng có khả năng hóa giải ác nghiệp, cứ như vậy sẽ có lúc thành tựu cái gọi là tận diệt khổ đau, giải thoát luân hồi.

Khế kinh có nói muốn giải thoát không cần phải rời bỏ nơi này để đến một cõi đặc biệt nào khác. Khổ đau có thể tận diệt ngay trong thân tâm này. Thân tâm chúng ta đây, vốn sung

mãn tiềm năng thành tựu nguồn an lạc tối thượng. Chỉ cần tìm ra đường tu chính xác, phương pháp tu chính xác, rồi nỗ lực tu hành. Phật nói như vậy: “Phật đạo, là con đường giải thoát”.

Con đường giải thoát không có trong các tôn giáo khác. Tôn giáo khác có thể dạy nếu ta tu như thế này, thiền như thế kia, sẽ được phép thần thông, tỉ như như bay trên không hay đi trong đất, sẽ được những thành tựu tâm linh như thế này hay như thế khác. Tôn giáo khác có thể dạy nhiều phương pháp nhập định rất hữu hiệu, nhưng không dạy tu để giải thoát khổ đau.

Phật giáo, ngược lại, vạch ra nhiều phương pháp tu nhằm đến sự giải thoát khổ đau, thành tựu an lạc tối thượng. Đây không chỉ là lời nói suông, thực sự chúng ta có thể đạt đến kết quả ấy. Vọng tưởng và phiền não trong tâm thật ra chỉ là những hiện tượng sinh diệt, khi có, khi không. Nếu chịu khó tu, gặp được vị đạo sư đủ khả năng hướng dẫn, và nếu chính mình có chí tu học, có căn cơ cao, khi ấy thoát khổ đau đạt an lạc tối thượng ngay trong kiếp sống hiện tại này, với thân tâm này, là điều có thể xảy ra.

Giá trị của Phật giáo không nằm ở chỗ khi nghèo thì cầu Phật độ cho giàu, khi bệnh thì cầu Phật độ cho khỏi bệnh, hay khi làm ăn buôn bán thua lỗ thì cầu Phật độ cho phát tài. Thật sự mà nói, dù những phép lạ như vậy có thật sự xảy ra chẳng nữa, cũng chẳng có gì đáng nói. Không thể dựa vào bấy nhiêu chuyện mà có thể gọi Phật giáo là quý giá. Quý vị cần hiểu rõ

phần cốt tủy, để thấy được mức độ quý giá cao tuyệt của Phật đạo.

2. Đặc điểm của Đại thừa

Điểm quan trọng thứ hai là sự khác biệt giữa hai cỗ xe Phật giáo, là cỗ xe Bồ tát và cỗ xe Thanh văn. Hai cỗ xe này còn được gọi là cỗ xe lớn - Đại thừa, và cỗ xe nhỏ - Tiểu thừa. Vì sao lại nói rằng Đại thừa thâm diệu hơn? Thanh văn thừa là giáo pháp dành để đáp ứng một số nhu cầu của Phật tử, chưa phải là thành tựu cao nhất. Muốn hoàn thành trọn vẹn con đường Phật dạy - nghĩa là triệt bỏ toàn diện phiền não ô nhiễm, thành tựu chức năng bồ đề - người tu cần theo con đường Đại thừa, cần hành trì theo phương pháp tu dành cho Bồ tát.

Nói Tiểu thừa và Đại thừa, hoàn toàn không có nghĩa là trong Phật Pháp có sự phân chia giáo pháp này xấu kém hơn, giáo pháp kia toàn hảo hơn. Giáo pháp toàn hảo là giáo pháp thích hợp với căn cơ của người tu, nên trong Phật pháp không bao giờ có thể khinh rẻ xem thường bất cứ giáo pháp nào. Thái độ như vậy sai lầm và tai hại.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện cõi thế, tu hạnh bồ đề, có nhiều đệ tử thanh văn theo tu học, điển hình là hai ngài Mục Kiền Liên và Xá Lợi Phất. Hai vị này tu hạnh thanh văn, đạt quả A-la-hán. Vì sao các vị đại đệ tử gần đức Thế tôn như vậy mà lại không thành tựu vô thượng bồ đề? Lý do Phật

thành tựu vô thượng bồ đề, là vì khi còn trong giai đoạn mới tu học, Phật cầu giác ngộ cũng là vì lợi ích chúng sinh mà cầu. Rồi trong giai đoạn còn đang tu học, Phật tích lũy hai bồ tư lương công đức trí tuệ để thành Phật, cũng là vì lợi ích của chúng sinh mà tích lũy. Rồi cuối cùng khi Phật thành tựu quả vị Phật, cũng chính vì lợi ích của chúng sinh mà thành tựu. Tất cả đều dựa trên căn bản của tâm bồ đề, vì lợi ích của chúng sinh. Đến khi thành tựu vô thượng bồ đề, Phật có khả năng buông xả mọi phiền não cùng tập khí của phiền não. Nói như vậy, Phật nhờ buông xả toàn bộ mọi mê lầm phiền não mà thành tựu trí toàn giác, có được khả năng thấy biết tất cả mọi hiện tượng ở mọi nơi, trong mọi lúc.

Còn các vị A-la-hán như ngài Xá Lợi Phất hay Mục Kiền Liên, không thể nói là thành tựu của các ngài ngang với thành tựu của Phật. Các ngài chỉ mới xả bỏ được một phần, nhưng chưa xả bỏ được toàn bộ mọi chướng ngại áng ngữ trí toàn giác. Có thể nói rằng các ngài chỉ mới thành tựu được một phần của tâm buông xả, chưa phải là tâm buông xả trọn vẹn. Nói về mức độ giác ngộ, A-la-hán không đầy đủ tánh đức của Phật đà, vì vậy mà gọi là A-la-hán, không gọi là Phật. Các ngài như Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên chưa thành tựu được quả vị Phật, mà thành tựu quả vị A-la-hán.

Xét theo đó, mục đích cao nhất phải là đạt mọi tánh đức của tâm buông xả rốt ráo và tâm giác ngộ rốt ráo. Điều này ai cũng có thể đạt đến nếu noi theo gót chân Phật. Trước tiên phát tâm

bồ đề [là tâm nguyện thành Phật vì lợi ích chúng sinh], tiếp theo tích lũy hai bồ tư lương công đức trí tuệ trong thời gian dài ba thời kỳ vô số, và cuối cùng đạt đến tâm buông xả viên mãn, thành tựu giác ngộ viên mãn. Chỉ có con đường Đại thừa mới dẫn đến quả vị Phật như vậy. Vì vậy mà nói Đại thừa vĩ đại hơn.

Khi mới bắt đầu thuyết Pháp, Phật dạy về Thanh văn thừa cùng nhiều phương pháp tu Giới Định Tuệ. Phần giáo pháp này là căn bản của con đường giác ngộ giải thoát.

Rồi Phật lại dạy phương pháp phát khởi lòng từ bi và tâm bồ đề, là con đường dành cho những vị bồ tát dũng mãnh, lãnh nhận trách nhiệm mang lợi ích về cho toàn thể chúng sinh. Tuần tự đường tu Phật dạy là như vậy, trước tiên tu theo căn bản Giới Định Tuệ, rồi phát tâm từ bi cùng với tâm bồ đề.

Mục tiêu rốt ráo của Phật là muốn đưa chúng ta đến vô trú niết bàn. Ở đó, tâm thức buông xả mọi mê lầm, thành tựu mọi tánh đức. Con đường vị tha này dành cho những vị bồ tát có tâm rộng lớn vô ngại, lãnh nhận trách nhiệm giải thoát cho chúng sinh, mang hạnh phúc về cho tất cả. Vì vậy mà gọi Đại thừa là cỗ xe lớn.

Có người nói rằng đã theo Đại thừa thì không cần phải học phương pháp tu Tiểu thừa, cho rằng Phật tử Đại thừa chỉ cần phát tâm từ bi là đủ, không cần quan tâm đến Giới Định Tuệ. Điều này hoàn toàn sai. Đại thừa không phải là con đường song song riêng biệt với Tiểu thừa. Căn bản của Đại thừa

chính là Tiểu thừa. Giáo pháp Tiểu thừa không ra ngoài Đại thừa. Chỉ khác là, thêm vào đó, Đại thừa đòi hỏi phải phát tâm đại bi và tâm bồ đề.

3. Đặc điểm của Kim cang thừa

Trong Đại thừa còn có hai cỗ xe chính, một là cỗ xe “tu-nhân”, gọi là Ba-la-mật thừa, hay là Hiển tông, hai là cỗ xe “tu-quả”, gọi là Kim cang thừa, hay là Mật tông. Mật tông được xem là thâm diệu hơn Hiển tông.

Từ mấy thế kỷ qua, người tu theo Mật tông có rất nhiều, nhất là ở Tây tạng. Tuy vậy, Mật tông không phải do các Lama Tây tạng tự ý sáng chế ra, mà là một hệ thống tu Phật giáo được nhiều thế hệ cao tăng đắc đạo giữ gìn và truyền lại trọn vẹn không gián đoạn từ nhiều thế kỷ qua.

Ngược dòng truyền thừa sẽ gặp những bậc thầy tuyệt cao như các ngài Long Thọ⁸, Nguyệt Xứng⁹, Thánh Thiên¹⁰... cùng nhiều vị hiền thánh cựu học viện Na-lan-đà danh tiếng. Các bậc hiền thánh cựu học viện Na-lan-đà phần lớn song tu Hiển Mật. Mật pháp được truyền xuống là truyền từ các bậc thầy cao trọng xứ Ấn, hoàn toàn không phải do các lama Tây tạng nghĩ ra.

⁸ *Nagarjuna*

⁹ *Chandrakirti*

¹⁰ *Aryadeva*

Vì sao lại nói Mật tông thâm diệu hơn Hiển tông? Chắc chắn không phải vì những phép lạ thần kỳ thường được nhắc đến khi nói về Mật tông. Ví dụ một vài bộ kinh có nói rằng cứ tụng chú *Om Mani Padme Hum* bao nhiêu lần thì sẽ độ thoát một số chúng sinh nào đó ra khỏi ác đạo, vãng sinh tịnh độ. Tuy nói vậy không sai, nhưng nếu chỉ bấy nhiêu, thật không đủ để kết luận Mật tông thâm diệu hơn Hiển tông. Điều quan trọng cần hiểu rõ, đó là Mật tông là giáo pháp do chính Phật dạy, bao gồm những phương pháp khác thường nhưng cũng chỉ để hành trì hai sắc thái chính của Phật đạo là phương tiện và trí tuệ.

Hiển và Mật giống nhau ở nội dung hành trì – là phương tiện và trí tuệ. Tuy nội dung giống nhau, nhưng phương pháp hành trì lại khác.

Hiển tông khi nói “song tu phương tiện và trí tuệ”, hay “song tu công đức, trí tuệ”, chữ song tu ở đây có nghĩa là tu hành song song, xen kẽ, dùng trí tuệ để tu phương tiện, hay dùng phương tiện để tu trí tuệ, lần lượt tích tụ hai bồ tư lương công đức trí tuệ chứ không phải trong cùng một lúc mà đồng thời tích tụ được cả hai. Mật tông cũng nói “song tu phương tiện và trí tuệ”, nhưng song tu ở đây không phải là thực hiện xen kẽ mà là đồng loạt, trong cùng một pháp tu tích lũy được cả hai bồ tư lương công đức trí tuệ. Khi quán về sắc tướng của Phật, hay khi quán tưởng thân Phật trước mắt, hành giả đồng thời quán về tánh không của thân Phật. Quán tưởng sắc thân nhiệm

màu của Phật là phương tiện, nhờ vậy tích tụ được công đức. Quán tánh không của thân Phật là trí tuệ, nhờ vậy tích tụ được trí tuệ. Phương pháp này giúp hành giả cùng một lúc tích lũy được cả hai bồ tư lương công đức trí tuệ, nhờ vậy đủ khả năng mong chóng thành tựu thân Phật và trí Phật. Đây là lý do chính vì sao lại nói Mật tông thâm diệu hơn Hiển tông.

Làm thế nào trong cùng một công phu lại có thể song hành công đức trí tuệ? Trước hết cần hiểu về cốt lõi của pháp quán tưởng Bốn tôn du già¹¹ của bốn bộ mật pháp. Quán tưởng Bốn tôn du già phải phát khởi từ nền tảng tánh không. Đầu tiên quán về trí tuệ tánh không, tiếp theo quán thân sanh diệt của mình, từ tánh không khởi hiện thành tướng Phật, nhờ vậy biết thân Phật không hiện hữu có tự tánh mà chỉ do trí tuệ tánh không hoạt hiện mà thành. Khởi hiện thân Phật, nuôi dưỡng tâm kiêu hãnh nhiệm màu¹², hành giả niệm niệm không rời tánh không của thân Phật đang hiện ra.

Trí tuệ tánh không hoạt hiện thành tướng Phật cũng là quả của đường tu. Vì vậy mà nói Mật tông vận dụng quả để tu hành. Lấy kết quả để huân tập tâm thức, nhờ vậy mau chóng đạt thành tựu.

Dù vậy, tự mình hiện thành đủ loại thân Phật trong quán tưởng, như vậy không có nghĩa là mình đã thành Phật. Chỉ

¹¹ *deity yoga*

¹² *divine pride*

quán tướng thôi, chưa phải là thành Phật thật sự. Đồng thời cũng đừng nói là mình không thể thành Phật, vì mọi chúng sinh đều có khả năng này, mọi chúng sinh đều thuộc dòng giống Phật. Vì vậy quán tướng thân Phật để mau chóng tích lũy bồ tát lương công đức, hiểu và quán về tánh không để mau chóng tích lũy bồ tát lương trí tuệ. Mật tông là phương pháp tu chóng vánh như vậy, nên đặc biệt quý giá.

Cũng nên tìm hiểu vì sao lại gọi Mật tông là cỗ xe “tu-quả”, là Kim cang thừa. Chữ Kim cang có nghĩa là cứng chắc đến độ không gì có thể phá vỡ hay phân đoạn. Tính chất không thể đoạn vỡ biểu hiện cho sự hợp nhất không thể phân chia giữa trí tuệ và phương tiện. Khi tu theo pháp tu Bốn tôn du già, hành giả tu trí tuệ và phương tiện không phải xen kẽ mà cùng một lúc. Quán về cảnh Phật, như tịnh độ, mạn đà la, là quán về sắc thân của Phật, về tâm hỉ lạc của Phật, về cảnh giới của Phật. Nhờ mang quả về ngay trong giây phút hiện tại, hành giả huân tập mọi tính năng của tâm mình để mau chóng đạt đến thành quả ấy. Kim cang thừa là đường tu phương tiện trí tuệ bất nhị, mang kết quả về ứng dụng trên đường tu. Vì vậy mà gọi là Kim cang thừa, là cỗ xe “tu-quả”.

Ngày nay Mật tông được phổ biến rộng rãi trên toàn thế giới. Rất nhiều người muốn bước vào Mật tông. Vì vậy chúng ta cần hiểu rõ vì sao lại gọi Mật tông là Kim cang thừa, là cỗ xe “tu-quả”, phải hiểu lý do vì sao Mật tông lại đặc biệt quý giá thâm diệu.

4. Đặc điểm của Mật tông tối thượng du già

Phương pháp tu trong Kim cang thừa có thể phân thành bốn bộ. Mỗi khi nghe nhắc đến Mật tông tối thượng du già, hay *anuttarayagatantra*, lập tức đôi mắt người nghe sáng rực lên. Đó là vì nhiều người tưởng lầm rằng hễ tu theo Mật tông tối thượng du già thì mình không cần giữ giới, có thể tha hồ uống rượu, liên hệ nam nữ v.v... cho rằng phải như vậy mới thật là phương pháp tu thiền tối cao. Điều này hoàn toàn sai lầm. Mật tông tối thượng du già không phải như vậy.

Đâu là tinh túy của Mật tông tối thượng du già?

Phật pháp đặc biệt chú trọng đến tính bất nhị của phương tiện và trí tuệ. Hai sắc thái này được hành trì hợp nhất trong Mật tông. Pháp tu hợp nhất này không thấy có trong Hiển tông. Hiển tông tuy kết hợp phương tiện và trí tuệ, nhưng hành trì song song, xen kẽ. Còn trong Mật tông thì hoàn toàn chỉ là một.

Mật tông thường nói đến nền tảng, đạo và quả. Đạo là công phu tu hành, quả là thành tựu sẽ đạt tới. Còn nền tảng trong Mật tông, chính là thân người. Thân người có cả một hệ thống khí mạch, khí, và nhiều loại tinh chất được gọi là tinh khí bồ đề¹³. Những điều này không phải là tưởng tượng mà thật có trong thân và tâm của chúng ta. Con người sinh ra đã có sẵn

¹³ *bodhicitta substances*

một hệ thống khí mạch, bên trong có khí và nhiều tinh chất khác luân chuyển, ví dụ như cái gọi là máu đến từ mẹ và tinh khí đến từ cha.

Mật tông nói rằng mỗi loại khí trong cơ thể (Tạng ngữ gọi là *lung*) tương ứng với một tầng tâm thức. Tâm và khí có nhiều tầng thô lậu và vi tế khác nhau. Mỗi loại khí kết hợp với một tầng tâm thức, phát sinh thành hình ảnh và ý tưởng trong tâm. Như khi đi ngủ, chúng ta từ từ chìm sâu vào giấc ngủ, tâm thức càng lúc càng trở nên vi tế, phần tâm và khí thô lậu lúc tỉnh dần dần thu về hội tụ ở vùng tim, làm hiển lộ các tầng tâm và khí càng lúc càng vi tế. Vì vậy dần dần chúng ta mất tri giác, bắt đầu nằm mơ v.v... Khi thức dậy, các luồng khí tán ra khỏi vùng tim, tâm thức càng lúc càng trở nên thô lậu, cho đến khi thức giấc. Chúng ta đã từng nhiều lần trải qua những kinh nghiệm như vậy với các tầng tâm khí thô-tế khác nhau.

Hiện tông và ba bộ mật pháp dưới của Mật tông vận dụng lớp khí và tâm thô lậu để thiền quán tu tập. Chỉ riêng các mật pháp trong Mật tông tối thượng du già là không làm như vậy mà chủ động thâm nhiếp các tầng tâm và khí thô lậu để làm hiển lộ tầng tâm và khí vi tế nhất, rồi vận dụng tầng tâm thức vi tế nhất để thiền quán về tánh không và về thân Phật, nhờ vậy có thể triệt bỏ mọi phiền não thô-tế, cùng với tất cả mọi tập khí phiền não, đồng loạt thành tựu tam thân Phật.

Phương pháp này chỉ có trong Mật tông tối thượng du già, vì vậy mà nói Mật tông tối thượng du già thâm diệu nhất. Đó là

vì ở đây có cả một hệ thống trình bày về khí, khí mạch, cùng những thành phần luân chuyển trong đó. Khi chạm tới điểm tinh túy nhất của thân kim cang, hành giả thu nhiếp hết những tầng tâm khí thô lậu để hiển lộ phần tâm khí vi tế nhất, lấy đó làm nền tảng thiền quán tánh không và thiền quán thân Phật.

Đọc lại cuộc đời của đức Phật, thấy nói Phật đi qua nhiều vùng đất Ấn độ, làm nhiều thiện hạnh để giáo hóa đệ tử đủ loại căn cơ. Ở thành *Sarnath* có một nơi trên đá còn khắc lại nhiều thiện hạnh mà Phật đã làm. Trong đó có chỗ ghi lại sự kiện Phật thi triển thần thông để hóa độ người ngoại đạo đến thán phục. Trên đá khắc lại hình hai đóa sen phóng ra từ tim Phật, trên mỗi đóa sen lại có thêm một đức Phật.

Khế kinh diễn tả về loại thần thông này, thật không thể nghĩ bàn. Từ tim Phật hiện ra hàng ngàn, hàng triệu, hàng tỉ hóa thân. Hóa thân của thân, ngữ, ý, tất cả đồng loại hiện ra đầy khắp không gian vô tận. Điều này khế kinh có ghi rõ. Ngoài ra, trong hạnh nguyện vương của Phổ Hiền, có một câu tụng rằng: “trên đầu mỗi sợi tóc có vô lượng quốc độ Phật, trong mỗi quốc độ có hàng triệu Phật đà và quanh mỗi Phật đà là hàng triệu bồ tát”. Lấy thân và tâm thô lậu như của chúng ta đây mà nói, điều này chỉ có thể là chuyện hoang đường. Nếu thật sự thân và tâm của Phật cũng thô lậu như thân và tâm chúng ta đang có đây, đừng nói chi ngàn ấy Phật và bồ tát, chỉ một vị thôi cũng không thể đặt lên đầu ngọn tóc.

Thân và tâm của Phật đang nói đây là phần thân và tâm cực kỳ vi tế, hoàn toàn không bị vật thể áng ngữ, vì vậy hàng triệu đức Phật có thể tụ họp trên đầu một sợi tóc. Nói ví dụ trên đầu một sợi tóc có cái gì mà mọi người đều muốn xem, vậy tâm của tất cả mọi người đều đổ về tụ hội về đầu ngọn tóc ấy. Chỉ có thân và tâm của chúng ta mới có giới hạn. Còn Phật thì tâm là thân và thân là tâm, sắc thân của Phật là khí và tâm vi tế, vì vậy thân tâm của Phật có thể tụ tại về ngực trên một chấm nhỏ bằng đầu sợi tóc.

Phật giáo làm sao giải thích được hiện tượng như vậy? Xét theo Mật tông, đây là điều có thể giải thích được và cũng có thể thành tựu được nếu tu theo phương pháp tu mật. Vì vậy mà nói thần thông của Phật không phải là điều huyền bí đòi hỏi lòng tin mù quáng. Chúng ta có thể tìm hiểu xem bằng cách nào Phật làm được như vậy, và nếu hành trì đúng cách, chúng ta cũng có thể làm được điều Phật làm. Phật pháp không đòi hỏi Phật tử nhắm mắt tin theo, mà luôn đưa ra phương pháp tu cụ thể cho Phật tử tìm hiểu và thực hành.

Làm hiển lộ và vận dụng thân tâm vi tế, đó là đặc điểm của Mật tông tối thượng du già. Còn về những lãnh vực khác trên đường tu, như tâm bồ đề và tánh không, Mật tông không nói gì khác hơn Hiển tông. Tâm bồ đề và tánh không chỉ có một nghĩa, hoàn toàn không có cái gọi là tâm bồ đề hay tánh không dành riêng cho Mật tông.

Khi tu theo mật pháp, có người tưởng rằng mình phải thay đổi hình dáng bên ngoài, chẳng hạn phải ăn bận khác đi, hay phải lập gia đình vì tưởng rằng thiếu kinh nghiệm tình dục sẽ không thể tu theo Mật tông. Nghĩ như vậy là sai lầm rất lớn. Cứ thử nhìn vào một trong những mật pháp cao thâm nhất là *Guhyasamaja*, các vị truyền thừa mật pháp này toàn là những bậc tỷ kheo giữ giới nghiêm mật. Lại có rất những bậc cao tăng như Long Thọ, Thánh Thiên hay Nguyệt Xứng, đã từng viết bao nhiêu bộ luận lừng danh về tánh không trong cả Hiển lẫn Mật, là tổ sư truyền thừa rất nhiều mật pháp, các vị đều là tỷ kheo, luôn giữ phạm hạnh sống kiếp độc thân trong suốt cuộc đời hành đạo, không từng một phút giây thị hiện sắc tướng cư sĩ.

Vậy quý vị đừng nghĩ mình phải thay đổi hình dáng bên ngoài để tu theo Mật tông, vì đây là lầm lẫn tai hại nhất. Một ví dụ điển hình khác là Lama Tông Khách Ba, pháp tu chính của ngài là *Guhyasamaja*, vua của mật pháp. Để vận dụng năng lực của tâm và khí, hiển lộ phần tâm và khí vi tế nhất, quý vị không cần thay đổi hình tướng bên ngoài, cũng không cần rời bỏ đời sống xuất gia mà lập gia đình. Đây là điểm cực kỳ quan trọng cần phải hiểu.

5. Đặc điểm của mật pháp Kalachakra

Chương ba đề cập đến sự khác biệt giữa Hiển tông và Mật tông. Chương bốn đề cập đến khác biệt giữa Mật tông tối

thượng du giả và ba bộ Mật tông còn lại. Còn chương năm này sẽ dành để nói về đặc điểm của mật pháp Kalachakra.

Mật pháp Kalachakra là phương pháp tu cực kỳ thâm diệu, được rất nhiều người trên thế giới biết tiếng. Vì cầu giác ngộ nên chúng ta bước theo con đường dẫn đến Phật quả. Quan trọng nhất là đừng quá nuông chiều thân xác cha mẹ sinh ra, mà phải trú nơi tâm của mình, vì tâm vốn trong sáng, tách lìa ô nhiễm. Ô nhiễm không phải là đặc tính của tâm, nhờ đó có thể sám hối thanh tịnh tâm thức, dẹp sạch ô nhiễm, thành đạt trí toàn giác. Trí toàn giác này chính là tâm của Phật. Chúng ta ai cũng có thể làm được như vậy, và muốn được như vậy thì phải sám hối thanh tịnh tâm thức của mình. Vậy phương pháp thành tựu tâm Phật đã biết rồi. Còn Thân Phật thì sao? Làm cách nào chúng ta có thể thành tựu được thân Phật?

Xét theo giáo pháp của Mật tông nói chung, chúng ta gọi thân cha mẹ sinh ra là thân của mình, nhưng không thể lấy thân thể thô lậu này để chuyển thành thân Phật nhiệm màu. Phải vận dụng phần tâm và khí vi tế nhất để thiền quán tánh không, rồi sám hối thanh tịnh mọi chướng ngại của thân và tâm vi tế để chuyển thành sắc thân trong sáng của Phật Kim cang tát đỏa¹⁴ hay của Phật Kim cang tri¹⁵, hay nói cách khác, để chuyển thành thân Phật. Đây là phần thân và tâm vi tế nhất, khác với

¹⁴ *Vajrasattva*

¹⁵ *Vajradhara*

hợp uẩn thân tâm do cha mẹ sinh ra. Phần tâm và khí vi tế nhất quán tướng tánh không là trí Phật, trí Phật hoạt hiện thân Phật, thân và trí của Phật trở thành một hiện tượng duy nhất không thể phân chia, đó là cái gọi là thân tâm của Phật.

Kalachakra không những vận dụng thân và tâm vi tế nhất để thiên quán tánh không mà còn phải trải qua quá trình thu nhiếp toàn bộ mọi thành phần vật lý. Bao giờ mọi phân tử vật lý đều đã thu nhiếp tiêu trừ, hành giả sẽ thành tựu được thân vô sắc của Phật. Mật pháp Kalachakra không nói đến thân vi tế và khí vi tế khác với thân ngũ uẩn, mà lại dạy phương pháp tiêu trừ thân ngũ uẩn hiện có, để chuyển thân này thành cái gọi là thân vô sắc của Phật.

Bài giảng *Đường vào Kalachakra* này bao gồm năm vấn đề, sự khác biệt giữa Phật giáo và không phải Phật giáo, giữa Hiện tông và Mật tông, v.v... Vậy năm vấn đề này đều đã được trình bày xong.

Bây giờ xin nói thêm về nội dung của mật pháp Kalachakra.

Chữ Kalachakra có nghĩa là bánh xe thời gian. *Kala* là thời gian, còn *chakra* là bánh xe. Khi giải thích về Kalachakra, cần phải hiểu Kalachakra qua ba điểm chính yếu của pháp tu này, đó là nền tảng, đạo và quả.

Theo mật pháp này, nền tảng là thân vật lý, khởi sinh từ ba nghiệp phiền não là tham sân si, cùng nhiều loại phiền não

khác. Thân chúng sinh là nguyên nhân của khổ đau luân hồi, cho chính mình và cho chúng sinh. Những thành phần vật lý có trong đó, hệ thống khí mạch và các tinh chất luân chuyển trong đó, là nền tảng của pháp Kalachakra. Đó là nền tảng hành trì.

Đạo là phương pháp tu. Để triệt bỏ khổ não cho mình và cho chúng sinh, hành giả cần thành tựu tâm đại lạc bất động. Bất động có nghĩa là không lay chuyển trong cả ba thời quá khứ hiện tại và vị lai. Đại lạc bất động trong mật pháp Kalachakra chính là cái nơi khác thường gọi là tâm chân như¹⁶. Tâm đại lạc bất động chính là tâm chân như cực kỳ vi tế đang quán chiếu tánh không. Muốn vận dụng tâm chân như vi tế này để chứng tánh không, hành giả phải lần lượt thu nhiếp trừ thân vật lý của chính mình. Điều này không đột ngột xảy ra mà thành tựu từng phần nhờ vào công phu kiên trì tu tập.

Lúc đầu, thân vô sắc chỉ là một hiện tượng mơ hồ. Nếu kiên trì, các hợp thể vật lý của xác thân sẽ từ từ thu nhiếp lại. Thân vật lý thu nhiếp đến đâu, thân vô sắc hiển hiện đến đó. Hành giả nhờ trú ở tâm chân như, hoạt hiện thành sắc tướng của năm vị Thiên Phật trong năm bộ Phật, cùng chư tôn thánh từ hòa hay oai nộ trú trong mạn đà la Kalachakra. Đó là phương cách thành tựu thân vô sắc, thành tựu sắc thân nhiệm màu của Phật.

¹⁶ *the mind of clear light*

Thân vô sắc là từ tâm chân như hoạt hiện mà thành. Còn chính tâm chân như lại là nhân tố thành tựu trí Phật. Nhờ vậy mà có sự hợp nhất giữa thân và tâm của Phật. Hành giả đạt quả vị Phật với thân vô sắc và tâm đại lạc bất động, đồng thời hoạt hiện thành chư Phật và chư tôn mạn đà la, tất cả đều nằm trong chân tánh của đại lạc và chân như.

Mật pháp Kalachakra qua ba yếu tố nền tảng, đạo, và quả, giải thích đại khái là như vậy. Đặc điểm của Kalachakra là thu nhiếp tất cả mọi thành phần vật lý thô lậu để chuyển thành thân vô sắc của Phật đà.

Trong mật pháp Kalachakra, tâm đại lạc bất động được xem là tâm của Phật, thành tựu được là nhờ thu nhiếp mọi thành phần vật lý để chuyển thành thân vô sắc. Thân vô sắc này chính là thân Phật, hoàn toàn bất nhị với tâm Phật. Trong các mật pháp khác của Mật tông tối thượng du già, hành giả không làm như vậy mà lại vận dụng phần khí và tâm vi tế nhất để trong cùng một lúc, hoạt hiện thành sắc thân vi tế nhất, là thân của Phật, đồng thời chứng ngộ về tánh không, là tâm của Phật. Vậy giữa Kalachakra và các mật pháp khác trong Mật tông tối thượng du già có sự khác biệt căn bản.

Đọc mật kinh Kalachakra sẽ thấy phương pháp thành tựu thân tâm bất nhị của Phật được giải thích mạch lạc rõ ràng, trong khi đó các mật kinh khác như *Guhyasamaja* không nói rõ về phương pháp tu mà trình bày toàn bằng ẩn nghĩa. Vì vậy

Kalachakra được gọi là mật kinh hiển nghĩa¹⁷, còn các mật kinh khác đều gọi là mật kinh ân nghĩa¹⁸.

Chúng ta vừa xem lướt qua năm đề tài chính: 1. đặc điểm của Phật giáo so với các tôn giáo khác; 2. đặc điểm của Phật giáo Đại thừa; 3. đặc điểm của Đại thừa Mật tông; 4. đặc điểm của Mật tông tối thượng du già; 5. đặc điểm của mật pháp Kalachakra. Qua lời giải thích ngắn gọn về năm đề tài này, thầy hy vọng quý vị có được cái nhìn tổng quát về Phật đạo.

Ngày mai chúng ta sẽ đi sâu vào chi tiết của đại lễ quán đảnh Kalachakra, nói về mười một pháp quán đảnh, của Kalachakra nói riêng, của Mật tông nói chung, dựa trên ba yếu tố nền tảng, đạo, và quả.

6. Pháp Quán Đảnh Kalachakra

Thông thường mật pháp được truyền dưới hai dạng, Tây tạng gọi là *wang* và *jenang*. Chữ *wang* dịch là mật pháp quán đảnh¹⁹ và *jenang* là mật pháp gia trì²⁰. Cả hai cùng gọi là truyền mật pháp²¹, nhưng ý nghĩa lại khác nhau. Vậy nên biết

¹⁷ *explicit tantra*

¹⁸ *implicit tantras*

¹⁹ *empowerment*

²⁰ *subsequent permission*

²¹ *initiation*

rõ *wang* và *jenang* khác nhau ra sao, hai dạng truyền mật pháp này là như thế nào.

Nguyên văn chữ *wang* có nghĩa là “ban cho quyền năng”, thường gọi là truyền pháp quán đánh, trong ý nghĩa hành giả được trao cho quyền năng quán tưởng chính mình là Phật Bản Tôn Pháp Chủ mạn đà la. Nhận được pháp quán đánh rồi mới có thể tu tập về pháp thiền Bản Tôn mạn đà la, về hai giai đoạn chính của Mật tông tối thượng du già là giai đoạn khởi hiện và giai đoạn viên thành, cùng những phương pháp tu thiền thuộc các bộ Mật tông thấp hơn. Nói tóm lại, pháp quán đánh cho hành giả đầy đủ quyền năng hành trì một số pháp quán tưởng liên quan đến vị Phật Bản Tôn Pháp Chủ mạn đà la.

Wang và *jenang* có gì khác nhau? mật pháp quán đánh và mật pháp gia trì khác nhau ra sao? Mặc dù vẫn thường được gọi chung là truyền pháp, hai dạng truyền mật pháp này hoàn toàn khác nhau. Mật pháp quán đánh ban cho quyền năng hành trì, còn mật pháp gia trì là truyền năng lực gia trì của đấng Bản Tôn Pháp Chủ vào thân ngữ ý của hành giả. Nói chung, phải nhận pháp quán đánh trước khi có thể nhận pháp gia trì, vì chỉ như vậy năng lực gia trì của vị Bản Tôn Pháp Chủ mới có thể truyền thông suốt vào ba cửa thân ngữ ý của đệ tử.

Việc gì sẽ xảy ra nếu đệ tử chưa nhận pháp quán đánh mà lại nhận pháp gia trì? Trường hợp này xảy ra rất thường. Ví dụ quý vị đến nghe giảng Pháp, sau buổi giảng, vị thầy có khi cử

hành lễ truyền pháp trường thọ Bạch Y Quan Âm. Nếu chưa từng nhận pháp quán đảnh trước đó, dù có ngồi dự buổi truyền pháp này, quý vị vẫn chưa phải là đã thọ nhận pháp gia trì Bạch Y Quan Âm. Lý do là vì muốn thật sự nhận được pháp gia trì này, quý vị cần quán tưởng mình mang thân tâm thanh tịnh của vị Phật Bồ Tôn Pháp Chủ, ở đây là đức Bạch Y Quan Âm, rồi vận dụng thân tâm thanh tịnh ấy để nhận pháp gia trì. Nếu chưa từng nhận pháp quán đảnh, quý vị không thể tự quán tưởng mình mang thân tâm của đấng Bồ Tôn Pháp Chủ, vì vậy không thể nhận pháp gia trì. Vì lý do này, các thầy trước buổi truyền pháp gia trì thường nhắc nhở ai chưa nhận pháp quán đảnh thì đừng quán tưởng mình là Phật Bồ Tôn Pháp chủ. Quý vị chỉ có thể quán tưởng Phật ngự trên đỉnh đầu, rót dòng suối cam lồ thân ngữ ý thanh tịnh xuống. Như vậy quý vị cũng sẽ nhận được năng lực gia trì, nhưng không phải là đã nhận mật pháp gia trì.

Đại lễ quán đảnh thường được truyền cho đệ tử qua mạn đà la. Có nhiều loại mạn đà la, bằng cát màu, bằng gấm vẽ, đến từ năng lực thiền định của vị đạo sư, hay lấy thân người làm mạn đà la. Bốn loại mạn đà la nói trên này đều có thể dùng để truyền pháp quán đảnh.

Kalachakra có hai phương pháp truyền pháp. Một là truyền pháp Kalachakra theo dạng thông thường. Gọi “thông thường”, là vì tuy mật pháp Kalachakra đặc biệt, nhưng nghi thức truyền pháp lại giống như nghi thức truyền pháp của

những mật pháp khác trong Mật tông tối thượng du già. Vì không khác với những mật pháp khác, nên gọi là phương pháp truyền pháp thông thường.

Hai là truyền pháp Kalachakra theo dạng phi thường. Gọi phi thường, vì trong số tất cả những mật pháp thuộc về Mật tông tối thượng du già, duy nhất chỉ có Kalachakra là có thể truyền theo phương pháp này. Đây là phương pháp độc nhất bao gồm mười một pháp quán đảnh. Nghi lễ và nội dung truyền pháp đều rất khác so với các loại mật pháp khác trong Mật tông tối thượng du già.

Nói về dạng truyền pháp thông thường, phương pháp này được nói đến trong kinh *Vajramalatantras* hay trong bộ mật kinh có thể tìm thấy nơi dòng Sakya. Phương pháp này sử dụng mạn đà la bằng gấm thêu, truyền bốn pháp quán đảnh. Bốn pháp này là pháp quán đảnh bình bát²², kín mật²³, tuệ giác²⁴, và danh tự²⁵. Đây là bốn pháp quán đảnh chung cho tất cả mọi mật pháp thuộc về Mật tông tối thượng du già.

Nói về dạng truyền pháp phi thường, phương pháp này đến từ lời dạy của hiền thánh *Naropa*. Phương pháp phi thường này

²² *vase initiation*

²³ *secret initiation*

²⁴ *wisdom initiation*

²⁵ *word initiation*

đòi hỏi mạn đà la bằng cát màu. Thiếu mạn đà la bằng cát màu, pháp này không thể truyền.

Vài ngày nữa đại lễ quán đánh sẽ được cử hành, phương pháp truyền pháp sẽ là phương pháp phi thường, thuận theo lời dạy của đại hiền thánh *Naropa*.

Vì sao mạn đà la bằng cát màu lại được đề cao đến như vậy? Lý do là vì mạn đà la càng lớn, càng cần nhiều cát nhiều màu bao nhiêu, công đức tích lũy cho thí chủ và cho các thành phần đệ tử tham dự lại càng tăng bấy nhiêu. Mạn đà la được dựng lên với nhiều loại vàng bạc, đá quý, lại đòi hỏi rất nhiều thì giờ, công sức, nhờ vậy công đức tích lũy lớn lao vượt bậc.

Ngoài ra, mạn đà la bằng gấm vẽ chỉ là tấm hình do họa sĩ vẽ, dùng màu sắc tương ứng với năm Phật bộ. Kalachakra khác hơn, có tới sáu Phật bộ. Vì vậy mạn đà la dùng sáu màu cát khác nhau, tượng trưng cho trí giác²⁶ của sáu Phật bộ. Cát sáu màu được tịnh hóa, rồi theo đúng nghi thức xây mạn đà la. Toàn bộ quá trình thực hiện mạn đà la được cử hành theo nghi thức nhất định, không phải chỉ là một tác phẩm nghệ thuật như hình vẽ trên mạn đà la bằng gấm. Đến cả vật liệu dùng để xây mạn đà la cũng đã được gia trì, tịnh hóa.

Bây giờ nói về thời gian thích hợp để truyền pháp quán đánh. Dựa theo những bộ luận giải Kalachakra, ngày đại cát để

²⁶ *primordial wisdom*

truyền pháp quán đảnh là ngày rằm tháng ba Tạng lịch. Đó là thời gian thích hợp nhất. Nếu không được thì chọn ngày rằm của bất cứ tháng nào trong Tạng lịch cũng là ngày lành. Nếu cũng không được mà gặp đệ tử thượng căn, đủ khả năng nhận pháp thì có thể chọn bất cứ ngày vía Phật nào khác.

Vì sao ngày rằm tháng ba Tạng lịch được xem là ngày tốt nhất để truyền pháp Kalachakra? Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết kinh Bát Nhã ở đỉnh Linh thú thành Vương xá, đồng thời đức Phật cũng có mặt tại tòa bảo tháp ở miền Nam xứ Ấn. Tại bảo tháp ấy, đức Phật hiện thân đấng Bản Tôn Pháp Chủ Kalachakra cùng toàn bộ mạn đà la, truyền mật pháp quán đảnh Kalachakra cho quốc vương *Dawa Zangpo*, vua của vương quốc *Shambala*. Cùng nhận pháp Kalachakra với quốc vương *Dawa Zangpo*, còn nhiều vị tiểu vương và nhiều đệ tử khác. Họ nhận pháp Kalachakra vào ngày rằm tháng ba Tạng lịch. Vì duyên lành này mà ngày rằm tháng ba được xem là ngày đại cát tường để truyền pháp quán đảnh Kalachakra.

Sau khi nhận pháp quán đảnh và mật kinh Kalachakra do chính đức Thế tôn truyền, quốc vương *Dawa Zangpo* cùng tùy tùng quay trở về vương quốc *Shambala*. Sáu trăm năm sau, vị quốc vương kế thừa, là tổ sư dòng *Kulika* tên *Manjushrikirti*, truyền pháp Kalachakra lại cho 35 triệu hiền giả, đứng đầu là hiền giả *Meyshinda*. Lần ấy cũng nhằm ngày rằm tháng ba Tạng lịch. Đây là lý do thứ hai vì sao ngày này lại được xem là ngày đại cát tường để truyền pháp quán đảnh Kalachakra.

Kinh sách còn nói khi truyền mật pháp Kalachakra cho quốc vương *Dawa Zangpo*, đức Phật cũng đồng thời truyền lại cho quốc vương mật kinh Kalachakra, dài đến hàng trăm ngàn câu tụng. Sáu trăm năm sau, vua *Manjushrikirti* kế thừa mật pháp, thu ngắn mật kinh Kalachakra thành bộ *Mật kinh Toát Yếu [Condensed Tantra of Kalachakra]*, vì vậy mà tên vị quốc vương này thường được nhắc đến. *Manjushrikirti* lại có vị đệ tử tên *Kundarika*, hay *Pema Karpo*, cũng là vị quốc vương truyền thừa dòng Kulika, dựa trên bộ *Mật Kinh Toát Yếu* mà viết ra bộ luận giải. Bộ luận giải này ngày nay được biết dưới tên *Vô Cấu Quang*²⁷, có tất cả ba quyển. Vậy thời nay ai thật sự muốn tu theo mật pháp Kalachakra, trước tiên phải nhận pháp quán đánh từ dòng truyền thừa này, sau đó phải thọ nhận giáo pháp nằm trong hai bộ mật điển, một là Kalachakra *Mật Kinh Toát Yếu*, hai là bộ luận *Vô Cấu Quang*.

Trước khi có luận giải *Vô Cấu Quang*, người ta thường cho rằng đại pháp quán đánh Kalachakra chỉ có thể cử hành nhiều nhất là hai lần trong năm. Luận *Vô Cấu Quang* xóa tan nhiều sai lầm đại loại, nói rõ ngày rằm tháng ba là ngày tốt nhất, nếu không, ngày rằm của bất cứ tháng nào trong năm cũng tốt. Cứ hễ có đệ tử đủ căn cơ để nhận pháp, là pháp quán đánh có thể được cử hành vào ngày rằm của bất cứ tháng nào trong năm.

²⁷ *Stainless Light*

Nói chung, chúng ta thường nghe nói Kalachakra có mười một hay mười sáu pháp quán đánh. Nói như vậy đều chính xác, không mâu thuẫn. Đây chỉ là hai cách giải thích khác nhau về nội dung của pháp quán đánh. Nếu giải thích chi tiết cặn kẽ thì đếm thành mười sáu pháp quán đánh, còn nếu giải thích tóm lược thì đếm thành mười một pháp quán đánh.

Bảy pháp quán đánh đầu thường gọi là “bảy pháp quán đánh sơ sanh”²⁸. Mười một pháp quán đánh là bảy pháp quán đánh sơ sanh cộng thêm bốn pháp quán đánh – bình bát, kín mật, trí tuệ, danh tự – như trong các mật pháp khác. Bốn cộng bảy, đếm thành mười một pháp quán đánh.

Còn nếu đếm mười sáu pháp quán đánh thì phải chia thành bốn tiểu bộ: 1. bảy pháp quán đánh sơ sanh; 2. bốn pháp quán đánh cao đẳng²⁹: bình bát, kín mật, trí tuệ và danh tự; 3. bốn pháp quán đánh thượng đẳng³⁰, cũng tên là bình bát, kín mật, trí tuệ và danh tự; 4. pháp quán đánh đại đạo sư kim cương³¹. Tổng cộng là mười sáu pháp quán đánh.

Làm sao có thể qui nạp mười sáu pháp quán đánh thành mười một ? Giữ nguyên bảy pháp quán đánh sơ sinh, còn bốn pháp quán đánh cao đẳng và bốn pháp quán đánh thượng đẳng được

²⁸ *enter as a child*

²⁹ *four high empowerments*

³⁰ *four higher empowerments*

³¹ *great vajra master empowerments*

qui nạp như sau: hai pháp quán đánh bình bát (cao đẳng và thượng đẳng) gộp chung thành một; hai pháp quán đánh kín mật gộp chung thành một, và hai pháp quán đánh trí tuệ cũng vậy, gộp chung thành một. Còn lại hai pháp quán đánh danh tự thì pháp quán đánh danh tự cao đẳng được gộp chung vào pháp quán đánh thứ ba là trí tuệ, còn lại pháp quán đánh danh tự thượng đẳng giữ lại làm pháp quán đánh danh tự.

Vậy chúng ta có bốn pháp quán đánh cùng bảy pháp quán đánh sơ sanh. Một khi có đủ hai tiểu bộ bảy và bốn phép quán đánh thì mười một pháp này tương đương với pháp quán đánh đại đạo sư kim cương, vì vậy không cần đếm riêng pháp quán đánh này. Do đó mà thành mười một pháp quán đánh.

Vì sao truyền thọ pháp Kalachakra cần đến những mười một pháp quán đánh khác nhau? Lý do là vì khi nhận bảy pháp quán đánh sơ sanh, chúng ta tịnh hóa được chướng ngại ô nhiễm làm áng ngữ bảy địa bồ tát, đồng thời cấy vào tâm thức đầy đủ nhân duyên để thành tựu bảy địa bồ tát.

Nói đến con đường tu chứng bồ đề và quá trình tịnh hóa của từng địa bồ tát, điều này liên quan đến hai lãnh vực chính của giáo pháp Phật dạy, đó là giáo pháp thâm sâu và giáo pháp quảng đại. Hai đề tài tu học chính yếu của ba tu viện lớn nhất Tây tạng là *Sera*, *Ganden* và *Drepung* là Bát nhã ba la mật³²

³² *Prajnaparamita*

và Trung quán³³. Trong Bát nhã ba la mật, từng giai đoạn tu chứng được giải thích rõ, có bao nhiêu địa bồ tát, mỗi địa có bao nhiêu chướng ngại cần triệt bỏ, khi triệt bỏ rồi thành tựu được những gì. Nếu đã từng tu học Bát nhã ba la mật, sẽ không lầy lăm lạ khi nghe về những điều này, bằng không, dù thật sự tinh tấn qui y và phát tâm bồ đề nhưng khi bước vào Mật tông, nghe nói về thành tựu và chướng ngại của mỗi địa bồ tát, vẫn sẽ cảm thấy hoang mang, xa lạ. Phải cố gắng tu học để tìm hiểu về từng địa vị tu chứng trong Bồ tát đạo.

Vì sao cần phải nhận pháp quán đánh? Như đã nói, mỗi pháp quán đánh có khả năng thanh tịnh nghiệp chướng của từng địa bồ tát tương ứng. Vậy có thể nói pháp quán đánh, cốt tủy của mật pháp, giúp chúng ta thành tựu từng giai đoạn trên con đường dẫn đến giác ngộ, bao gồm cả con đường Hiền giáo. Quý vị bắt buộc phải kết hợp phương pháp tu mật với tu hiền. Điều này thật rõ ràng.

Ngoài việc cần phải kết hợp phương pháp tu mật và hiền, tại sao cần phải nhận pháp quán đánh? Nói chung, các giai đoạn tu chứng trong Kalachakra không khác những gì gặp trong Hiền tông. Hiền pháp nói về hai bồ tư lương, phương tiện và trí tuệ, nghĩa là hai mặt quang và thâm, cần thực hành song song. Mật pháp cũng vậy. Nhưng ngoài việc tích lũy hai bồ tư lương ra, hiền pháp không đề cập đến khí mạch, khí, tinh khí

³³ *Madhyamika*

bồ đề v.v..., cũng không nói về phương pháp đả thông các điểm trọng yếu của thân kim cang để vận động các luồng khí và tâm vi tế.

Tất cả những điều này được giáo pháp Kalachakra chỉ dẫn cặn kẽ. Chữ quan trọng nhất được tuyên thuyết trong Kalachakra là *yugananda*, nghĩa là bất nhị, hay kết hợp, chỉ về sự đồng nhất giữa thân và tâm nhiệm màu của Phật, trong ý nghĩa thân Phật là tâm Phật, và tâm Phật là thân Phật. Thành tựu này được tuyên thuyết trong Kalachakra. Để hiểu phần vi diệu này, quý vị cần nhận pháp quán đảnh Kalachakra, nếu không, không được phép hành trì.

Tuy vậy, dù có nhận pháp cao tâm vi diệu đến đâu đi nữa, trước khi nhận pháp, điều quan trọng nhất phải làm là qui y Tam bảo. Qui y Tam bảo thường do vị đạo sư kim cang truyền thọ, tiếp theo là phát tâm bồ đề, thọ giới bồ tát. Nếu pháp quán đảnh thuộc về hai lớp Mật tông trên cùng là Mật tông du già hay Mật tông tối thượng du già, đệ tử phải nhận thêm giới kim cang. Sau đó là nghi thức phát tâm bồ đề, bao gồm hai tâm bồ đề, qui ước và cứu cánh, quán tưởng thành đài mặt trăng trắng tròn nằm nơi tim, với chày kim cương màu trắng năm châu, đứng thẳng trên đài mặt trăng. Tượng tượng hai loại tâm bồ đề hoạt hiện thành mặt trăng và chày kim cương ở tim. Rồi nhờ sức mạnh gia trì của đạo sư, hãy an trú trong quán tưởng. Phát nguyện không rời xa tâm bồ đề cho đến khi giác ngộ. Có thể nói tâm-bồ-đề-qui-ước và tâm-bồ-đề-cứu-cánh (là chứng ngộ

tánh không), cực kỳ quan trọng trong Mật tông. Đó là nền tảng của tất cả mọi mật pháp.

Như đã nói, mật pháp Kalachakra là một pháp tu khác thường, vì Kalachakra có phần đồng nhất với hiển pháp, nhưng lại có thêm phần hành trì kín mật. Hiển pháp nói về hai loại chướng ngại là phiền não chướng và trí chướng, dạy hành giả phải xả bỏ hai loại chướng ngại này. Mật pháp Kalachakra cũng vậy, chỉ khác nhau ở phương pháp dẹp chướng ngại.

Hôm qua chúng ta đã nói về sự kết hợp thuận nhất của thân Phật và tâm Phật trong Mật tông. Các mật pháp khác với Kalachakra thường nói về sự khởi hiện tâm vi tế và khí vi tế thành sắc thân Phật ngay giữa thân vật lý cha mẹ sinh, lấy đó quán chiếu tánh không. Nói cách khác, khí và tâm vi tế ngay giữa trái tim của hành giả hoạt hiện thành sắc thân của đấng Bản Tôn Pháp Chủ, đây chính là cái gọi là sự bất nhị của thân Phật và tâm Phật, trong nghĩa tâm là thân, thân là tâm.

Trong Kalachakra, phương pháp thực hiện thân tâm bất nhị không giống như vừa tả. Hành giả không khởi hiện thân Phật khác với thân vật lý của chính mình, mà thành tựu thân vô sắc, nghĩa là thân không có hình sắc. “Không” ở đây không phải là tánh không. Thân vô sắc không thuộc cảnh giới Chân đế, mà thuộc Tục đế. Gọi là vô sắc vì thân này hoàn toàn thiếu vắng những thành phần vật lý, thành tựu được nhờ tu theo mật pháp. Các tập hợp vật lý dần dần bị thu nhiếp, tiêu trừ, chuyển thành thân vô sắc. Quá trình chuyển hiện này đòi hỏi phải dẹp

bỏ toàn bộ trí chướng và phiền não chướng, so với Hiền tông hoàn toàn giống nhau, chỉ có phương pháp thực hiện là khác. Mật tông dạy hai chướng ngại này bằng cách tịnh hóa bốn giọt tinh chất³⁴ nằm ở bốn vị trí khác nhau trong cơ thể.

Giọt thứ nhất nằm ở luân xa trên trán, liên quan đến thời gian thức giấc. Giọt thứ hai nằm ở trung tâm của luân xa trên cổ, liên quan đến thời gian nằm mơ. Giọt thứ ba nằm ở luân xa nơi tim, liên quan đến thời gian chìm sâu trong giấc ngủ. Giọt thứ tư nằm ở luân xa vùng bụng dưới [4 ngón tay thấp dưới rốn], liên quan đến niềm hỉ lạc lúc giao tình.

Một khi quán chiếu thanh tịnh được giọt tinh chất nơi trán liên quan đến thời gian thức, hành giả thành tựu thân kim cang. Thanh tịnh được giọt tinh chất nơi cổ liên quan đến thời gian mơ, hành giả thành tựu ngữ kim cang. Thanh tịnh được giọt tinh chất nơi tim liên quan đến thời gian ngủ say, hành giả thành tựu ý kim cang.

Còn thành phần thứ tư trong Kalachakra là trí giác bản lai đại lạc bất động tối thượng³⁵. Các mật pháp khác như *Guhyasamaja* cũng có nhắc đến đại lạc bất động, nhưng trí giác bản lai đại lạc bất động tối thượng trong Kalachakra là thành tựu của quá trình thanh tịnh giọt tinh chất nơi vùng bụng dưới. Thanh tịnh giọt tinh chất này là thành tựu trí giác bản lai

³⁴ *bindus*

³⁵ *primordial wisdom of the supreme immutable bliss*

kim cang³⁶. Vậy ngoài thân ngũ và ý kim cang, hãy còn thành phần thứ tư là trí giác bản lai kim cang. Thành tựu bốn kim cang nói trên là thành tựu pháp tu Kalachakra.

Vì vậy khi nhìn vào mạn đà la Kalachakra hành giả sẽ thấy bốn cửa Đông Nam Tây Bắc. Mỗi cửa mang một màu: cửa Đông màu đen, cửa Nam màu đỏ, cửa Tây màu vàng, cửa Bắc màu trắng. Bốn màu này tương ứng với bốn kim cang. Cửa Bắc màu trắng tượng trưng cho thân kim cang của Kalachakra. Cửa Nam màu đỏ tượng trưng cho ngũ kim cang của Kalachakra. Cửa Đông màu đen tượng trưng cho ý kim cang của Kalachakra. Cửa Tây màu vàng tượng trưng cho trí giác bản lai kim cang của Kalachakra. Bốn kim cang này thành tựu nhờ tịnh hóa bốn luân xa trong cơ thể như đã nói.

Khi nhận pháp quán đánh Kalachakra, trước hết quý vị nhận bảy pháp quán đánh sơ sanh. Dù chỉ đang ngồi trên ghế trong hội trường, quý vị vẫn phải tưởng tượng mình đang đi quanh bốn cánh cửa mạn đà la. Phải quán tưởng toàn bộ mạn đà la hiện ra trước mắt, quán tưởng bốn cửa vào, đứng Bốn Tôn Pháp Chủ phía bên trong cùng toàn thể các vị Phật, Bồ tát, trời, thần đang vây quanh Phật và Phật mẫu trong mạn đà la. Rồi quý vị quán tưởng đứng đạo sư kim cang – là vị thầy truyền pháp – đang dắt mình đi qua từng cánh cửa một để nhận pháp quán đánh.

³⁶ *vajra primordial wisdom*

Trước hết, quý vị sẽ được dẫn vào cửa Bắc màu trắng, liên quan đến thân kim cang. Ở đó quý vị sẽ nhận hai pháp quán đánh đầu tiên trong số bảy pháp quán đánh sơ sanh. Tiếp theo, quý vị sẽ được dẫn đến cửa Nam màu đỏ của ngũ kim cang, ở đó nhận pháp quán đánh thứ ba và thứ tư. Tiếp theo là cửa Đông màu đen, nhận pháp quán đánh thứ năm và thứ sáu. Cuối cùng đến cửa Tây màu vàng nhận phép quán đánh thứ bảy. Vậy mỗi cánh cửa của mạn đà la tương ứng với một trong bốn giọt tinh chất, thanh tịnh đi thì chuyển thành bốn kim cang. Quý vị nhận được phép quán đánh dựa trên căn bản này.

Vì có mối tương quan đặc biệt giữa màu sắc và phương hướng, nên các pháp quán đánh được truyền thọ từ nhiều phương hướng khác nhau. Tất cả đều xảy ra trong quán tưởng, trên thực tế quý vị vẫn ngồi yên trên ghế. Các pháp quán đánh không những giúp thanh tịnh nghiệp chướng liên quan đến bốn giọt tinh chất, mà còn gieo trồng thiện duyên vào tâm thức, giúp thành tựu bốn thân Phật trong tương lai.

Pháp quán đánh đầu tiên là pháp quán đánh nước³⁷, tương đương với việc tắm rửa trẻ sơ sanh. Đối tượng cần tịnh hóa ở đây là năm hợp thể [ngũ uẩn] và năm yếu tố [ngũ đại].

Nhìn chung mà nói, hệ thống Kalachakra có đến sáu hợp thể và sáu yếu tố, hợp thể thứ sáu là thức và yếu tố thứ sáu cũng là

³⁷ *water initiation*

thức. Ở đây, vì phân riêng ra mà nói, nên có năm hợp thể là sắc, thọ, tưởng, hành và thức, còn hợp thể thứ sáu là trí giác bản lai.

Pháp quán đánh nước sẽ khiến tịnh hóa năm hợp thể và năm yếu tố. Lý do vì sao lại truyền thọ pháp quán đánh nước, đó là vì lúc rời thai mẹ là lúc năm hợp thể và năm yếu tố nhập vào cuộc sống. Khi trẻ chào đời, người mẹ trước tiên tắm rửa trẻ sơ sinh bằng nước. Pháp quán đánh này ví như tắm đứa bé, gieo trồng chủng tử để về sau đạt thân Phật. Lời giải thích này là nói theo nền tảng, đạo và quả.

Hai pháp quán đánh đầu tiên liên quan đến thân Phật. Pháp quán đánh đầu tiên là “nước”, pháp quán đánh thứ hai là “mũ miện”³⁸. Sau đó, quý vị đi qua cửa Nam và nhận hai phép quán đánh tiếp theo, “trang sức”³⁹, và “chày kim cương, chuông báu”⁴⁰. Hai pháp quán đánh này tịnh hóa lời nói. Khi trẻ chào đời, khí tán vào cơ thể. Cơ thể con người có tất cả 72000 đường khí mạch. Lúc chào đời, các đường khí mạch mở vào tứ chi, khí tán vào đó, nhờ vậy trẻ mới có khả năng nói cười. Vậy khí liên quan đến khả năng phát âm thanh tiếng nói. Hai pháp quán đánh “trang sức” và “chày kim cương chuông báu” tịnh hóa hệ thống khí và khí mạch. Đây là đối tượng cần tịnh

³⁸ *crown initiation*

³⁹ *ear tassel initiation*

⁴⁰ *vajra and bell*

hóa trên suốt con đường tu nếu muốn thành tựu ngũ kim cang của Kalachakra.

Pháp quán đánh thứ năm và thứ sáu được truyền ở cửa Đông màu đen, liên quan đến ý kim cang. Đối tượng cần thanh tịnh ở đây là những kinh nghiệm thỏa mãn giác quan. Đưa bé dần lớn, bắt đầu dùng giác quan để chơi đùa, tiếp xúc với thế giới xung quanh. Giác quan được thỏa mãn với hình đẹp, tiếng hay, vị ngon, v.v... tất cả những cảm giác này đều thuộc phạm vi của ý. Ý là yếu tố chính kinh nghiệm và sử dụng các loại thức, mở cửa giác quan, trải qua nhiều loại cảm giác. Vấn đề của chúng sinh là vì nghiệp và phiền não nên mọi kinh nghiệm giác quan đều toàn là ô nhiễm. Hai pháp quán đánh này nhằm tịnh hóa các cửa ngõ giác quan [căn] và đối tượng của giác quan [trần].

Khi lớn lên, đưa trẻ biết dùng tay cầm đồ vật, dùng chân để đi đứng. Tất cả đều liên quan đến khí và tâm. Ở đây hành giả dựa vào hai pháp quán đánh này để thanh tịnh mọi đối đãi phân biệt, nhờ đó bước vào lãnh vực hoạt dụng tối hảo của Phật đà, thành tựu ý kim cang của Phật Kalachakra.

Pháp quán đánh thứ bảy được truyền ở cửa Tây màu vàng, liên quan đến trí giác bản lai kim cang⁴¹. Thịnh thoảng xem phim ảnh khoa học chúng ta có thể thấy khi mới nhập thai mẹ, thai

⁴¹ *vajra primordial wisdom*

nhi không có khả năng cử động. Dần dần khí mạch thành hình, chân tay bắt đầu mọc. Trước hết là đường khí mạch chính giữa, sau đến hai đường khí mạch bên phải và bên trái, rồi toàn bộ hệ thống khí mạch tỏa ra, chân tay thành hình, thai nhi bắt đầu có khả năng chuyển động. Hơi thở đầu tiên khi nhập thai mẹ là hơi thở của trí giác bản lai, nói cho thật chính xác, là khí của trí giác bản lai. Pháp quán đánh thứ bảy được truyền trên căn bản này.

Như đã nói, con người có sáu hợp thể [uẩn] và sáu yếu tố [đại]. Hợp thể thứ sáu là trí giác bản lai, và yếu tố thứ sáu là ý thức. Ở đây cả hai đều được thanh tịnh qua pháp quán đánh thứ bảy, gieo chủng tử thành tựu trí giác bản lai đại lạc bất động trong tương lai. Nói bất động, có nghĩa là khí bản lai sẽ được mang về an trú vĩnh viễn trong đường khí mạch chính giữa, sẽ không di chuyển vào nơi khác trong hệ thống khí mạch, hay qua các vùng khác trong cơ thể. Trí giác bản lai đại lạc bất động là danh từ chỉ thấy nói đến trong Kalachakra.

Khi nhận pháp quán đánh này, quý vị được gieo chủng tử thành tựu trí giác bản lai của Phật trong tương lai. Lời giải thích này cũng lại được trình bày qua nền tảng, đạo, và quả.

Khi ngòai dự đại lễ quán đánh, quý vị sẽ được nhận nhiều vật cụ thể, như nước để nhấp môi; bình bát đặt trên đỉnh đầu; nhẫn, dây lụa, mũ miện để đeo v.v... Khi ấy, quý vị không nên chỉ chạm vào món vật rồi nghĩ rằng: “vậy là đủ, mình đã nhận được năng lực gia trì”. Chỉ như vậy thôi không thể gọi là đủ.

Nhận năng lực gia trì theo kiểu nhấp nước đeo mũ như vậy, cả ngoại đạo cũng có. Nghi lễ này trong Phật giáo có ý nghĩa đặc biệt, ví dụ như nước hay mũ miện, nhấp nước, đội mũ, mỗi việc mang đủ chức năng tịnh hóa một loại nghiệp chướng, gieo vào tâm thức một loại chủng tử. Khi đưa môi nhấp nước, quý vị trước hết phải cảm thấy nước chan hòa rót vào thân, bao la cùng khắp, khiến quý vị cảm thấy vô cùng an lạc sáng suốt, tâm quý vị an trú trong trí giác đại lạc.

Lấy trí giác đại lạc quán chiếu tánh không, trực chứng tánh không. Đại lạc và tánh không kết hợp, hoạt hiện trong tâm thức. Đây mới chính là chất nước thật sự của pháp quán đánh này.

Mỗi pháp quán đánh tương ứng với một loại nghiệp chướng cần thanh tịnh và một loại chủng tử cần gieo vào dòng tâm thức. Vị đạo sư kim cang [vị thầy truyền pháp quán đánh] sau mỗi pháp quán đánh thường chỉ dẫn chúng ta nên chú tâm vào điểm nào, quán niệm mình đang thanh tịnh loại nghiệp chướng nào, gieo loại chủng tử nào để đạt những thành tựu nào trong tương lai.

Trong Kalachakra, thanh tịnh năm yếu tố vật lý [ngũ đại] là gieo chủng tử để sau này chuyển năm yếu tố thành năm vị phối thân của Kalachakra. Thanh tịnh năm hợp thể [ngũ uẩn] là gieo chủng tử để sau này chuyển năm hợp thể thành năm vị Phật trong năm Phật bộ Kalachakra. Thanh tịnh mười loại nghiệp khí trong cơ thể là gieo chủng tử để sau này thành tựu

mười đấng *Shaktis* [mười năng lực ba la mật]. Thanh tịnh hai đường khí mạch bên trái và bên phải là gieo chủng tử để sau này thành tựu thân đấng Bốn Tôn Pháp Chủ mạn đà la, Kalachakra. Thanh tịnh sáu giác quan [sáu căn] và sáu đối tượng của giác quan [sáu trần] là gieo chủng tử để sau này thành tựu sáu đấng Như lai dưới dạng phụ mẫu quanh Kalachakra. Thanh tịnh sáu lực, ví dụ như khả năng cử động tay chân, là gieo chủng tử để sau này thành tựu sáu đấng Như lai hung nộ dưới dạng phụ mẫu quanh Kalachakra.

Khi nhận pháp quán đánh, quý vị cần biết rõ mình đang tịnh hóa những gì và tịnh hóa như vậy là để làm gì. Những gì vừa nói trên về đối tượng và thành quả của quá trình tịnh hóa, quý vị nên nhớ rõ.

Nếu chịu khó quan sát quý vị sẽ thấy mạn đà la Kalachakra bao gồm ba vòng tròn từ ngoài vào trong, tượng trưng cho mạn đà la của thân, ngữ và ý. Những điều vừa nói trên liên quan đến các đối tượng cần tịnh hóa và kết quả thành tựu nằm trong mạn đà la của ý.

Bảy pháp quán đánh sơ sanh được truyền cho người bước vào giai đoạn khởi hiện [Mật tông tối thượng du già có hai giai đoạn, phát khởi và viên thành]. Sau khi nhận bảy pháp quán đánh sơ sinh, hành giả có thể tự quán tưởng mình là đấng Bốn

Tôn Pháp Chủ Kalachakra và có thể bắt đầu hành trì cái gọi là “tâm kiêu hãnh nhiệm màu”⁴² với thân Phật trong quán đảnh.

Tiếp theo bảy pháp quán đảnh sơ sanh là tiểu bộ bốn pháp quán đảnh. Pháp quán đảnh đầu tương ứng với giai đoạn khởi hiện, ba pháp sau tương ứng với ba chặng đường trong giai đoạn viên thành: 1. thành tựu báo thân của đức Phật Kalachakra ; 2. thành tựu pháp thân của đức Phật Kalachakra; 3. thành tựu sự hợp nhất của tam thân Phật.

Đó là lý do vì sao trong mạn đà la Kalachakra lại có mặt trăng ở cửa Đông Bắc và mặt trời ở cửa Tây Nam. Mặt trăng và mặt trời tiêu biểu cho hệ thống tu giai đoạn viên thành khác thường này.

Báo thân của Kalachakra được thành tựu như thế nào? Trước hết, thu nhiếp khí vào đường khí mạch chính giữa. Một phần của cơ thể vật lý được tiêu trừ, một phần báo thân hiển lộ. Như đã nói, thân vô sắc được hình thành nhờ kiên trì thu nhiếp tiêu trừ từng nguyên tử của thân vật lý.

Pháp quán đảnh bình bát gia lực cho hành giả hành trì giai đoạn khởi hiện. Pháp quán đảnh kín mật là bước đầu tiên vào giai đoạn viên thành, tương ứng với giai đoạn thành tựu báo thân. Sau đó là pháp quán đảnh trí tuệ, tương ứng với giai đoạn thành tựu pháp thân. Pháp thân được thành tựu nhờ thu

⁴² *divine pride*

nhieß khí vào đường khí mạch chính giữa, khiến tâm đại lạc bất động hiển lộ, rồi dùng tâm này quán chiếu tánh không. Khi tâm đại lạc này chứng ngộ tánh không thì gọi là trí giác bản lai đại lạc bất động, và đây chính là nền tảng thành tựu pháp thân Kalachakra. Phương pháp hành trì này liên quan đến pháp quán đảnh thứ ba là pháp quán đảnh Trí tuệ.

Hai pháp quán đảnh quý giá này tương ứng với hai chặng đường, trước thành tựu báo thân, sau thành tựu pháp thân. Tiếp theo chúng ta bước vào pháp quán đảnh cuối cùng là danh tự. Pháp quán đảnh này tương ứng với giai đoạn kết hợp báo thân với pháp thân. Hành giả nhập định, rồi từ trong định tiêu trừ từng phần các yếu tố vật lý. Giai đoạn này phải kiên trì thực hiện từng phần, không thể trong một lúc mà xong ngay được.

Mật kinh Kalachakra nói có mười hai địa bồ tát là mười hai giai đoạn tu chứng quả Phật Kalachakra. Mười hai địa này tương ứng với mười hai đoạn trên đường khí mạch chính giữa, mỗi đoạn như vậy lại phân thành 1800 phần nhỏ.

Như đã nói, mỗi khi khí được thu nhieß vào đường khí mạch chính giữa, sẽ có một phần hợp thể vật lý tương ứng được tiêu trừ và một phần của thân vô sắc được thành tựu. Vậy trong pháp môn đặc biệt này, hành giả qua mỗi địa bồ tát phải thu nhieß 1800 giọt tinh chất, tiêu trừ 1800 thành phần vật lý và thành tựu 1800 thành phần của thân vô sắc. Khi chuyển hết mười hai địa bồ tát, hành giả tiêu trừ được toàn bộ 21600

(12x1800) thành phần vật lý của thân thể, thành tựu thân vô sắc, hoàn thành sự kết hợp thuần nhất của ba thân Phật, đạt địa vị Kim Cang Tát Đồa.

Như đã nói, các cụm 1800 thành phần vật lý này chỉ có thể được tiêu trừ từng phần. Nói tiêu trừ từng phần là chữ dùng cho tiện, thật chính xác thì phải nói là tuần tự xếp chồng hai loại tinh chất trắng đỏ. Hành giả phải thu nhiếp các luồng khí tứ tán trong cơ thể về lại đường khí mạch chính giữa, rồi ép các giọt tinh chất đỏ xếp chồng từ trên xuống. Giọt tinh chất đỏ đầu tiên đẩy ép lên trên cùng, các giọt khác lần lượt xếp chồng từ trên xuống. Rồi hành giả lại ép giọt tinh chất trắng đầu tiên xuống dưới cùng đường khí mạch chính giữa, các giọt khác lần lượt xếp chồng từ dưới lên. Cứ như vậy cho đến khi toàn bộ 21600 giọt tinh chất đều được thu nhiếp và xếp chồng trong đường khí mạch chính giữa. Quá trình xếp chồng tinh chất đỏ từ trên xuống và tinh chất trắng từ dưới lên này được thể hiện trong mạn đà la Kalachakra qua hình tượng mặt trăng ở cửa Đông Bắc và mặt trời ở cửa Tây Nam. Mặt trăng và mặt trời tượng trưng cho phương pháp xếp chồng các giọt tinh chất trong giai đoạn viên thành.

Khi nhận pháp quán đánh vào các mạn đà la khác, thông thường hành giả phải đeo mũ miện màu xanh hay đen, nhưng mũ miện trong Kalachakra luôn luôn đỏ, tượng trưng cho giọt tinh chất đỏ xếp chồng từ trên xuống. Cũng vì lý do này mà tóc Phật Kalachakra màu đỏ.

Sử viết, khi vị quốc vương dòng *Kulika* là *Manjushrikirti* truyền pháp quán đảnh Kalachakra, ngài đội mũ miện kết bằng bóm sư tử, đây cũng có thể là một biểu tượng của phương pháp tu đặc biệt này.

Đến đây chấm dứt phần giới thiệu sơ lược về pháp quán đảnh Kalachakra.

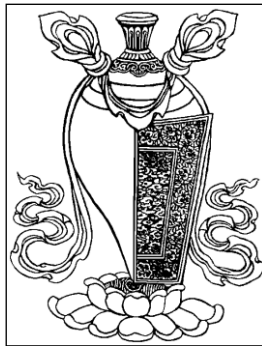
Thầy cũng xin nói thêm vì sao đức Đạt lai Lama lại đặc biệt quan tâm đến Kalachakra, vì sao nhiều người lại thích đến dự pháp quán đảnh Kalachakra do đức Đạt lai Lama truyền. Nguyên do việc này, thầy nghĩ quý vị cũng muốn biết.

Nguyên do đầu tiên, như đã nói, quốc vương *Pundarika* (tên khác: *Pema Karpo*) dòng *Kulika* là người soạn bộ luận tên “*Vô Cấu Quang*”. Vị này được xem là hiện thân của Quan thế âm, và đức Đạt lai Lama cũng được xem là hiện thân của Quan thế âm. Đức Đạt lai Lama là hiện thân của *Pundarika*. Vì vậy nhận pháp quán đảnh Kalachakra do đức Đạt lai Lama truyền đặc biệt có ý nghĩa.

Nguyên do thứ hai, đức Đạt lai Lama là người chấp trì dòng truyền thừa của pháp quán đảnh này. Quốc vương *Pundarika* dòng *Kulika* là vị sơ tổ soạn bộ luận và nghi thức truyền pháp quán đảnh. Dòng truyền thừa này được truyền xuống không gián đoạn, qua đến Tây tạng. Nhìn lại từ xưa đến nay, một vài vị thầy hiếm hoi tích cực hoằng dương pháp Kalachakra đều là

những đời Đalai Lama tiếp nối. Các đời Đalai Lama luôn tích cực giữ gìn dòng truyền thừa của Kalachakra.

[Hết phần giảng pháp]



PHẦN HAI : HỎI ĐÁP

Hỏi. Sau khi nhận pháp quán đảnh Kalachakra về, người tu cần chuyên tâm vào những gì?

Đáp. Nói chung một khi đã nhận pháp quán đảnh Kalachakra, sẽ có rất nhiều điều quý vị cần chuyên tâm tu tập. Tuy nhiên quan trọng nhất vẫn là thuần hóa tâm mình theo Hiển pháp. Thầy xin trích trong *Nền Tảng Mọi Tánh Đức* do lama Tông Khách Ba soạn, có một câu tụng như sau:

Một khi đường tu phổ thông

Con hành trì đã thuần thực trong sáng

Xin hộ trì cho con mở cánh cửa của những đóa con may mắn

Vào với Kim cang thừa tối thượng.

Câu tụng này nói rõ muốn bước vào Kim cang thừa trước hết phải thuần hóa tâm mình theo đường tu phổ thông [*common path*, còn gọi là *lamrim*]. Đường tu phổ thông là đoạn đường tu chung cho cả hiển tông và mật tông, bao gồm những điểm trọng yếu trong Phật Pháp như tâm qui y, tâm bồ đề, và tánh không. Một khi tâm thức đã chuyển, đã có được ấn tượng sâu sắc về ba điểm trọng yếu nói trên, chừng đó bước vào hai giai đoạn khởi hiện và viên thành của Mật tông sẽ được thành tựu mau chóng. Ba điểm trọng yếu nói trên nếu gieo trồng được vững chắc trong tâm thức, khi ấy năng lực gia trì đến từ pháp quán đảnh Kalachakra mới thật sự mãnh liệt. Khi nhận pháp quán đảnh Kalachakra, sự khác biệt giữa người có căn bản về

đường tu phổ thông và người chưa có căn bản, có thể ví như sự khác biệt giữa người đi máy bay và người đạp xe đạp. Nơi đến tuy giống nhau, nhưng vận tốc khác nhau xa.

Thường chúng ta nhận về rất nhiều pháp quán đảnh, nhưng chẳng thấy có được thành tựu gì. Vấn đề không phải ở mật pháp nhận về, mà ở phần nền tảng, đã đủ để tu theo mật pháp hay chưa. Thầy xin thiết tha nhắc nhở, *lamrim* với tâm qui y, tâm bồ đề và tánh không, đây là những yếu tố không thể thiếu nếu quý vị thật sự muốn tu đến nơi đến chốn.

Tu hành tinh tấn theo *lamrim*, con đường phổ thông, lấy đó làm nền tảng bước vào mật pháp, được như vậy điều xảy ra sẽ giống như khi xưa vào ngày rằm tháng ba, ngài *Manjushrikirti*, quốc vương dòng *Kulika*, truyền pháp quán đảnh cho *Nyime Shinda* cùng 35 triệu hiền giả khác của vương quốc Shambala. Vào ngày rằm tháng tư, *Nyinme Shinta* cùng tất cả 35 triệu hiền giả thành tựu đại định chỉ một tháng sau ngày nhận pháp quán đảnh.

Làm sao có thể thành tựu nhanh đến như vậy? Pháp quán đảnh Kalachakra do ngài *Manjushikirti* truyền và pháp quán đảnh chúng ta đã nhận – và sẽ nhận có khi là hàng chục lần – hoàn toàn không khác. Mà khác ở nơi người nhận, có đã tu hành miên mật theo *lamrim* hay chưa. Một khi tâm đã chuyên nhờ tu theo *lamrim*, nhận pháp quán đảnh rồi chỉ cần một tháng là thành tựu.

Như mật pháp *Hevajra*, nhiều người nhận thật nhiều lần pháp quán đánh *Hevajra*, còn *Milarepa* nhận pháp này từ sư phụ là *Marpa*, nhận rồi nhập thất tịnh tu, không bao lâu thành tựu quả vị Phật vì ngài tu theo *lamrim* đã thuần thục. Rõ ràng điểm khác nhau giữa những bậc tu chứng và chúng ta chỉ là các ngài đã từng khổ tu theo đường tu phổ thông, tâm đã chuyên, còn chúng ta vì thiếu yếu tố căn bản này mà tự tạo chướng ngại cho con đường tu chứng của mình. Thầy xin nhấn mạnh, quý vị cần cố gắng tu tập ba điểm trọng yếu của *lamrim* là tâm qui y, tâm bồ đề và tánh không. Điều này rất quan trọng.

Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là nhận pháp quán đánh rồi về vất Kalachakra qua một bên, dồn hết công sức cho *lamrim*. Thầy không nói như vậy. Nhận pháp quán đánh rồi, sẽ có một số công phu tối thiểu cần phải giữ cho thật siêng thật bền, phải trì chú, tụng kinh, quán tưởng, nhập thất v.v... Nhưng ngoài những công phu tối thiểu này ra, quý vị nên gắng công chuyên hóa tâm mình theo đường tu phổ thông cùng với Hiền pháp.

Hỏi. Sau khi nhận pháp quán đánh về tu theo bài tụng *Sáu Thời Công Phu Đạo Sư Du Già Kalachakra*, đâu là những điểm trọng yếu cần chuyên tâm?

Đáp. Bài nhật tụng *Sáu Thời Công Phu Đạo Sư Du Già Kalachakra* là do đại sư Ling Rinpoche soạn theo lời thỉnh cầu

của đức Đạt lai Lama. Chính đức Đạt lai Lama soạn dàn bài cho Ngài Ling Rinpoche. Trong dàn bài, đức Đạt lai Lama ghi lại tất cả những điểm trọng yếu của pháp tu. Lời ghi xuất xứ cuối bài nhật tụng có ghi rõ như vậy. Thầy từng gặp nhiều người Tây phương than phiền sao bài tụng dài quá.

Những điểm trọng yếu của pháp tu có thể dựa vào dàn bài của đức Đạt lai Lama mà biết được. Trước hết hành giả quán tưởng vị đạo sư của mình [đức Đạt lai Lama] là đấng Bốn Tôn Pháp Chủ cõi Phật Kalachakra. Đứng trước cõi Phật, hành giả nhận bồ tát giới, dâng lên cúng phẩm cúng dường, có cúng phẩm ngoại tại, nội tại, kín mật, chân như cùng các cúng phẩm bình thường và phi thường. Từng loại cúng phẩm tương ứng với từng giai đoạn trên đường tu. Ví dụ cúng phẩm ngoại tại là gieo chủng tử thành tựu giai đoạn khởi hiện; cúng phẩm nội tại là gieo chủng tử thành tựu thân vô sắc; cúng phẩm kín mật là gieo chủng tử thành tựu tâm đại lạc bất động tối thượng; cúng phẩm cứu cánh hay chân như, là gieo chủng tử thành tựu bất nhị.

Cúng phẩm ngoại tại có hai loại, cúng phẩm bình thường và cúng phẩm phi thường. Đồng thời hành giả còn cúng dường mạn đà la, cúng dường minh chú danh xưng của vị đạo sư kim cang [là vị thầy truyền pháp quán đảnh, nghĩa là đức Đạt lai

Lama¹]. Minh chú danh xưng của đấng đạo sư đọc lên là để thỉnh cầu năng lực gia trì của đạo sư. Phương pháp quán tưởng đạo sư du già này rất đặc biệt, không có trong các bài tụng sáu thời công phu đạo sư du già khác. Vậy trì tụng minh chú danh xưng là đặc điểm thứ nhất của *Sáu Thời Công Phu Đạo Sư Du Già Kalachakra*.

Sau khi nhận pháp quán đảnh, hành giả cần mỗi ngày sống lại thời gian nhận pháp, để giữ gìn nguồn năng lực gia trì đã gieo trong tâm thức, không để gián đoạn, thất thoát. Hành giả quán tưởng theo giống như phương pháp tự truyền pháp quán đảnh [*self initiation*]. Tương tự như trong bài Cúng Dường Đạo Sư [*Guru Puja*] có một câu đặc biệt nói về phương pháp tự truyền pháp quán đảnh, hành giả quán tưởng ba dòng cam lộ trắng, đỏ và xanh khởi từ ba luân xa của vị đạo sư rót vào ba luân xa tương ứng của đệ tử. Minh chú danh xưng đạo sư trong Kalachakra cũng tương tự như vậy, hành giả quán tưởng mình nhận lại toàn bộ mười một pháp quán đảnh, để năng lực gia trì không bị thất thoát, gián đoạn.

Đặc điểm khác của bài tụng này là cuối phần đạo sư du già có một đoạn nhỏ giúp hành giả khởi hiện sắc thân đấng Bồ Tôn Pháp Chủ Kalachakra, sau khi hoàn thành mọi giai đoạn trong giai đoạn khởi hiện. Nói khởi hiện sắc thân đấng Bồ Tôn

¹ Vì đây là bài giảng tiên khởi, trước khi người nghe nhận pháp Kalachakra từ đức Đạt Lai Lama.

Pháp Chủ Kalachakra có nghĩa là khởi hiện thân Kalachakra trong dạng phụ mẫu, cùng mười vị Shaktis xung quanh, tổng cộng mười hai đấng Như lai: hai vị Bồ Tôn Pháp Chủ đứng giữa và mười vị xung quanh. Khi ấy nếu tụng minh chú của từng vị theo đúng cách thì cũng như là đã hành trì phương pháp tự-khởi-hiệnⁱ, cực kỳ ngắn gọn nhưng đầy đủ. Tụng đủ số minh chú của từng vị là kể như đã “nhập thất”ⁱⁱ. Đây lại là một đặc điểm phi thường của bài tụng này, vì trong các bài tụng đạo sư du già khác, phương pháp tự-khởi-hiện không đầy đủ, cũng không thấy nơi nào có phương pháp trì mật chú tương đương với pháp nhập thấtⁱⁱⁱ.

Đó là những đặc điểm của bài tụng đạo sư du già Kalachakra. Vì vậy mà bài tụng này cực kỳ quý hiếm. Mặc dù có rất nhiều phương pháp tụng đạo sư du già, nhưng ít khi thấy có bài tụng nào giống như trong Kalachakra.

Hỏi. Xin thầy một lời khuyên về thứ tự những gì cần chuyên tâm (quán tưởng, tưởng tượng, tụng chú, tâm kiêu hãnh nhiệm màu v.v...)

Đáp. Ở đây thầy xin trả lời theo quan điểm riêng của thầy. Quan điểm riêng của thầy không phải là chân lý của mọi sự.

ⁱ *self-generation*

ⁱⁱ *approximation retreat*

ⁱⁱⁱ như trên

Theo thầy thầy, thầy mỗi ngày phải tụng một bài tụng dài bằng tập sách trước mặt thầy đây. Một bài tụng dài và sâu rộng như vậy, lúc mới tu học không ai có thể hiểu hết mọi ý nghĩa ẩn hàm trong đó. Vậy theo ý thầy, trước hết quý vị nên tu hành dựa theo bài tụng sáu thời công phu đạo sư du già. Ráng tìm hiểu đại khái ý nghĩa của bài tụng. Phần này là để làm gì, mang ý nghĩa gì, phải hành trì ra sao.

Khi mới tu học, hình ảnh trong quán tưởng có hiện rõ hay không, không quan trọng gì lắm, quý vị không cần phải quan tâm. Điều quan trọng là phải cố gắng chuyển hóa tâm thức theo *lamrim* [tâm qui y, tâm bồ đề, tánh không].

Đầu mỗi buổi công phu, điều quan trọng nhất là khởi tâm qui y tam bảo, cho thật vững vàng, mạnh mẽ. Rồi trong bất cứ bài tụng nào thân Phật cũng khởi hiện từ chân không, phải phối hợp trí tuệ tánh không cùng với kinh nghiệm đại lạc, từ đó khởi hiện thân Phật. Vì lý do đó, quý vị phải siêng năng quán niệm tánh không. Mỗi ngày ít nhất đôi ba lần quán niệm tánh không, bằng không là phạm mật giới.

Khi khởi hiện thân Phật, là người mới tu học quý vị chỉ cần phát khởi chút hình tướng mơ hồ của thân Phật là đủ, không đòi hỏi phải có ngay sắc tướng rõ rệt, trong sáng, cũng không cần phải hiểu sâu xa về sắc tướng vi tế của Phật. Chỉ cần hiểu đại khái hình này màu này có nghĩa gì. Ví dụ Phật Kalachakra vì sao chân phải màu đỏ, chân trái màu trắng, thân hình lại màu xanh... màu sắc như vậy có nghĩa gì. Khi khởi hiện thân

Phật, phải nhớ về ý nghĩa của màu sắc và trang sức cầm tay; về tánh đức của Phật Kalachakra; về chướng ngại Phật Kalachakra đã loại bỏ; về thành tựu Phật Kalachakra đã trải qua. Khởi hiện thân Phật Kalachakra là nhớ tất cả những ý nghĩa được biểu hiện qua sắc thân ấy, đây là điều rất quan trọng.

Bằng không, nếu chỉ quán tưởng thân Kalachakra mà không hiểu thân ấy mang ý nghĩa gì, lại cố gắng cho hình hiện lên thật rõ, làm như vậy sẽ khiến tinh thần mệt mỏi và sớm cảm thấy mắt thì giờ. Ví dụ khi thỉnh Như lai cùng ruộng phước đến để cúng dường nước, vòng hoa, hương đốt, hương xoa, v.v..., làm như vậy không phải vì Phật đói khát, hay vì Phật không được thơm. Chắc chắn là Phật không có những giới hạn như chúng ta có. Chỉ vì cần thanh tịnh cái nhìn hư vọng của chúng ta về thế giới hiện tượng nên mới cúng dường những cúng phẩm ngoại tại lên Phật, tưởng tượng từ Phật khởi hiện kinh nghiệm bất nhị của tánh không và đại lạc. Cúng dường như vậy là để tạo nhân duyên tịnh hóa cái nhìn hư vọng về thế giới hiện tượng. Lúc cúng dường, cần nhớ nghĩ như vậy, biết rõ phẩm cúng dường của mình tương ứng với giai đoạn nào trên con đường tu chứng Kalachakra.

Quý vị nếu hàng ngày phải đi làm, lo việc gia đình, thời gian eo hẹp, vậy có thể tu theo dạng cực kỳ ngắn gọn, nhớ rằng mình đã cúng dường những gì, ý nghĩa cúng dường ra sao, vậy thôi cũng đủ. Phật tử Tây phương có thể thu xếp để hàng năm

có được vài tuần hay một tháng, dành riêng cho việc tu tập, nhập thất, nghe pháp, v.v..., hoặc chỉ một tuần nhập thất, chuyên tâm vào việc tu tập, tìm một miền núi yên tĩnh nào đó, hoặc chỉ giản dị tránh xa ra khỏi chỗ ở hàng ngày. Nếu là nhập thất, quý vị có thể cả ngày thiền quán về Kalachakra, khi ấy có thể đi sâu vào chi tiết. Ví dụ như cúng phẩm này thật sự mang ý nghĩa gì, sắc tướng ra sao, khởi hiện như thế nào, từ đâu mà khởi hiện và khởi hiện xong thì trở về đâu, vì sao lại từ tim mà khởi hiện, các vị thiên nữ dâng cúng phẩm hình dáng của mỗi vị ra sao, có bao nhiêu cánh tay, gương mặt như thế nào, v.v..., rương tượng tượng phong phú đủ loại cúng phẩm hoa nước v.v...

Làm như vậy chủ yếu là để thu nhiếp tất cả mọi thành phần vật chất thô lậu về lại thật tánh không, tịnh hóa trong thật tánh không, rồi khởi hiện thành cúng phẩm, dâng lên các đấng Như lai, và tượng tượng cúng phẩm này đầy khắp không gian vô tận. Trong bài tụng Đạo sư du già có một đoạn ngắn nói về các phẩm cúng dường. Quý vị nếu có thì giờ, có thể cúng dường sâu rộng, dùng trí tượng tượng của mình quán tưởng cho thật phong phú. Nếu không, chỉ đọc qua cũng được. Chỉ vài câu tụng thôi, đọc sơ qua cũng được, ngừng lại thật lâu cũng được. Nếu đi sâu vào chi tiết ví dụ như chi tiết về ánh sáng phóng ra v.v..., quý vị sẽ thấy ở đây có nhiều điều thật thú vị.

Vì sao lại từ tim hoạt hiện cúng phẩm, rồi lại thu nhiếp về trong tim? Vì thật tánh của tất cả mọi hiện tượng không những là tánh như [*suchness*], mà còn là ánh sáng chân như [*clear light*]. Từ tim khởi hiện những vị thiên nữ và ánh sáng, rồi thu nhiếp về lại tim là để nhắc nhở chúng ta sự hiện diện của ánh sáng chân như tiềm ẩn trong luân xa tại tim.

Dù tu theo mật pháp nào, tất cả đều dẫn đến cùng một thành tựu, là thu nhiếp tâm khí về lại đường khí mạch chính giữa, rồi thu nhiếp tất cả về giọt tinh chất bất hoại nơi tim. Nếu đời sống hàng ngày quá bận rộn, thiếu thì giờ, quý vị không cần phải đi sâu vào tất cả những chi tiết này, chỉ cần dâng cúng phẩm khởi hiện từ tim rồi tan hòa về tim, đức Phật nhận cúng phẩm với tâm hỉ lạc không ô nhiễm. Bấy nhiêu là đủ. Cho dù không có thì giờ quán niệm tâm hỉ lạc này không ô nhiễm như thế nào, cũng không cần phải lo lắng, vì bất kể cúng phẩm ra sao Phật chắc chắn luôn nhận với tâm hỉ lạc không ô nhiễm. Đừng lo lắng. Dù hình ảnh quán tưởng không rõ ràng, dù quý vị không biết tâm hỉ lạc không ô nhiễm ra sao để mà quán tưởng, đức Phật cũng không sao cả, vì vậy không cần lo lắng, chỉ cần có một khái niệm sơ qua là được.

Cúng dường có thật rộng rãi, tưởng tượng cúng phẩm có thật phong phú hay không, cũng đều là việc thứ yếu. Quan trọng là khi tụng minh chú danh xưng của vị đạo sư kim cương và lúc tụng chú của các đấng Như lai trong mạn đà la, ngay lúc ấy phải nhớ lại tất cả những điểm chính yếu của *lamrim*, ví dụ

tâm qui y, vô thường, nghiệp quả v.v... Nếu không thể nhớ hết mọi điểm trọng yếu trong *lamrim*, ít ra cũng phải chia thành nhiều phần, mỗi ngày nhớ nghĩ về một phần khác nhau. Miệng tụng minh chú, tâm quán niệm miên mật về một giáo pháp trong *lamrim*. Làm như vậy là để thỉnh nguyện năng lực gia trì của Đạo Sư Bốn Tôn Pháp Chủ¹, truyền cảm hứng cho ta mau chóng thành tựu giáo pháp ấy. Trong khi tụng chú có thể quán niệm về tâm bồ đề, về tánh không, v.v..., làm như vậy cũng giống như hướng về đấng đạo sư Pháp chủ mà nói: “xin hộ trì cho con thành tựu được phần giáo pháp này”.

Quý vị cũng sẽ thấy rằng công phu tu hành của mình khi tiến khi thoái, lên xuống thất thường. Vừa mới hạ quyết tâm sống chết vì chúng sinh, thoát một cái đã thấy mình lang thang trong khu phố, mải mê mua sắm. Vậy muốn khỏi phí uổng công phu tu tập của mình, quý vị nên thường xuyên nhớ nghĩ về đường tu, luôn thỉnh nguyện đạo sư hộ niệm giữ gìn cho mình thẳng đường đến giác ngộ. Khi niệm chú, nên thỉnh nguyện như vậy, nhớ nghĩ về *lamrim*, quán tưởng ánh sáng và nước cam lồ từ ruộng phước Như lai chảy xuống, thấm nhuần toàn thân, tịnh hóa và truyền năng lực, giúp quý vị hoàn thành Phật đạo. Quý vị không nên quán tưởng cho riêng mình, mà cho toàn bộ chúng sinh trong sáu cõi. Làm như vậy hoàn toàn vì tâm đại bi, vì tâm bồ đề, muốn lợi ích chúng sinh.

¹ guru deity

Thầy muốn nhắc thêm một lần nữa, tu theo *lamrim* là một trong những điểm quan trọng nhất của pháp Kalachakra. Điểm quan trọng thứ hai là khi quán tưởng thân Phật, phải khởi từ tánh không, dựa trên bốn cửa giải thoát. Bình thường chỉ nói tới ba cửa giải thoát, nhưng trong Kalachakra lại có bốn. Đó là Không, vô tướng, vô nguyện, vô tác, có nghĩa là sự không có tự tánh của nhân duyên, của bản thể, của kết quả và của hành động. Qua bốn cửa giải thoát này mà quán niệm tánh không, khởi hiện thân Phật. Hành giả quán tưởng thân Phật hiện lên từ thiền định về tánh không. Đây là điều quan trọng nhất.

Như thầy có đã giảng trong phần dẫn nhập, gọi Mật tông là đường tu quý giá chỉ vì trong cùng một niệm hành giả có thể thành tựu phương tiện và trí tuệ hợp nhất, có thể cùng một lúc thành tựu sắc thân và pháp thân (trong Kalachakra gọi là thân trí giác bản lai). Đó là đặc điểm của Mật tông, Hiển tông không thấy nói đến. Tu theo mật pháp thì phải thiền quán tánh không, rồi từ tánh không khởi hiện thân Phật. Trí tuệ tánh không hoạt hiện thành thân Phật. Vì vậy đồng loại thành tựu cả hai.

Nhìn vào khế kinh Hiển tông, thấy có chỉ cách tu phối hợp chỉ quán. Tu chỉ để định tâm, quán để đạt tuệ. Trong khi đó Mật tông chỉ có một phương pháp tu duy nhất là quán tưởng. Hình trong quán tưởng hiện ra trong sáng toàn hảo, đó là định, đồng thời thân Phật khởi hiện từ tánh không nên niệm niệm đều không rời tánh không của thân Phật hiện ra trong quán tưởng,

đó là tuệ. Trong Mật tông, chỉ và quán là một, định tuệ không tách rời. Thân Phật trong quán tưởng khởi hiện từ tánh không, hành giả vừa quán niệm tánh không, vừa từ tánh không khởi hiện thành thân Phật, vì vậy đồng thời quán niệm về diệu dụng chân như của thân Phật. Đây là điều rất quan trọng trong phương pháp tu Bốn tôn du già.

Thân Phật Kalachakra khởi hiện dưới dạng phụ mẫu cùng với mười vị Shaktis. Các đấng Như lai này trụ ở giữa, bốn phương chính bốn hướng phụ. Ngoài chuyện quán tưởng các vị này, hành giả còn phải nhớ nghĩ về ý nghĩa của từng vị, ví dụ như mười vị Shaktis là mười hạnh ba la mật. Đây là điều cần nhớ càng nhiều càng rõ càng tốt, gieo vào tâm thức càng nhiều ấn tượng càng tốt, gieo chủng tử cho sau này mau chóng thành tựu hai giai đoạn khởi hiện và viên thành.

Ngoài việc tu học *lamrim* và hành trì đều đặn không gián đoạn sáu thời công phu đạo sư du già, hành giả còn phải tìm đọc càng nhiều về Kalachakra càng tốt. Khi đọc sẽ gặp hai trường hợp, hoặc hiểu, hoặc không hiểu. Phần nào hiểu rồi thì phải áp dụng ngay vào công phu hành trì mỗi ngày. Phần chưa hiểu thì phải tìm tòi học hỏi thêm cho đến khi hiểu mà áp dụng.

Hỏi. Cần làm gì để hành trì tâm kiêu hãnh nhiệm màu?

Đáp. Khi quán tưởng thân Phật, để có được tâm kiêu hãnh nhiệm màu, điều quan trọng nhất là tâm phải định.

Theo thầy thấy, khi quý vị ráng phát tâm kiêu hãnh nhiệm màu, cho dù đây cũng là một điểm quan trọng, nhưng dù sao đi nữa cũng vẫn nên phát tâm qui y và tâm đại bi trước. Dựa trên đó mà xây dựng công phu tu tập của mình. Thiếu tâm qui y, tâm bồ đề và chúng ngộ tánh không, dù thân Phật trong quán tưởng có hiện ra rõ ràng đến đâu chẳng nữa, dù tin chắc thân mình là thân Phật, tu như vậy vẫn chưa thuận với Phật Pháp. Nếu tu theo phương pháp Bồ đề tôn du già mà thiếu tâm qui y, tâm bồ đề và tánh không thì không phải là Phật Pháp, đừng nói chi đến Phật Pháp Đại thừa.

Vậy tâm qui y, tâm bồ đề và tánh không là nền tảng không thể thiếu. Phải có kinh nghiệm vững chắc về ba điểm này rồi mới có thể dựa lên đó mà xây dựng mọi công phu khác. Dù chưa thể đạt thành tựu trọn vẹn tâm qui y, tâm bồ đề, tánh không, ít nhất phải có chút ấn tượng sâu đậm, chút cảm giác rõ rệt. Nên đạt một ít kinh nghiệm tâm linh về ba điểm trọng yếu này trước khi bước vào mọi lãnh vực khác trên đường tu như Bồ đề tôn du già.

Khi dọn đồ ăn ra, trước hết phải nếm thử xem món ăn ngon dở thế nào, sau đó mới xét tiếp coi món ăn trình bày như thế nào có đẹp hay không v.v... Khi tu hành, cần phải vững vàng về ba công phu phát tâm qui y, phát tâm bồ đề và chúng ngộ tánh không trước, được như vậy dù quán tưởng không rõ, tâm không định, ít ra công phu của mình cũng vẫn là Phật Pháp, vẫn là Đại thừa. Ngược lại nếu thiếu nền tảng này, dù quán

tướng có rõ cũng không phải là Phật Pháp. Miễn sao nền tảng về tâm qui y, tâm bồ đề và tánh không vững vàng thì công phu của quý vị nhất định sẽ là Phật Pháp Đại thừa.

Hỏi. Trước khi tự khởi hiện thành Kalachakra, cần phải nhớ lại tất cả những gì biết được về tánh không. Xin thầy cho ít lời khuyên về điểm này.

Đáp. Tánh Không nói ở đây là tánh không của đối tượng phủ định. Khi dùng chữ “không”, cần phải hiểu cái gì “không”. Ngài Long Thọ có nói, con người không thể tìm thấy trong các yếu tố đất, nước, lửa, gió, không gian v.v... Vậy con người nằm ở đâu? Ở đây phủ nhận đối tượng là phủ nhận các yếu tố vật lý, trước hết nhìn vào con người, rồi phủ nhận bằng các yếu tố đất nước lửa gió không gian. Còn ngài Nguyệt Xứng trong “*Nhập Trung Đạo*” lại không nói thẳng về tánh không, mà ví chủ thể với chiếc xe có bảy phần, rồi lấy đó mà phủ nhận chủ thể.

Nói vậy là để quý vị thấy có rất nhiều phương pháp tiếp cận tánh không. Tánh không cũng có thể tiếp cận qua duyên khởi. Nếu quý vị có đã học qua chương Trí Tuệ trong *Đại Luận về các Giai Đoạn Tu Chứng [Lamrim Chenmo]*, đại sư Tsong Khapa có nêu ra nhiều phương pháp tiếp cận tánh không.

Theo đó, tánh không thật sự không đơn giản. Tánh Không rất phức tạp vì trước hết chúng ta phải biết nhận định đâu là đối

tượng bị tánh không phủ nhận. Nếu không nắm vững đối tượng phủ định, quý vị dù có chứng được bao nhiêu không gian hay hư không đi nữa cũng vẫn không phải đang thật sự quán tánh không. Tuệ giác tánh không không dễ thành tựu, vì hoặc là quý vị đang thật chứng tánh không, hoặc không phải. Tánh Không là một đường tơ mỏng manh, hai bên là vực thẳm, phải thận trọng đừng rơi vào. Hai vực thẳm này là thường kiến [chấp sự vật tự có và thường còn] và đoạn kiến [chấp sự vật rỗng rang không thật có]. Hoặc quý vị an trụ được trên đường tơ mỏng manh, hoặc rơi vào một trong hai hố thẳm. Tánh Không vì vậy không đơn giản. Nhưng nếu quý vị có khả năng thấy được rõ ràng đối tượng phủ định thì mọi sự lại dễ dàng hơn nhiều. Vậy quý vị phải tập nhận định xem đối tượng phủ định là gì.

Đức Dalai Lama thường giảng, nói theo ngài Long Thọ, con người không phải là đất, nước, lửa, gió v.v..., nhưng không phải vì vậy mà có thể kết luận con người không hiện hữu. Ngược lại, con người có hiện hữu, là hợp thể của đất, nước, lửa, gió, không gian, ý thức. Sáu yếu tố này tập hợp lại, rồi con người là cái tên được gán lên hợp thể đó, gọi là giả danh. Con người hiện hữu tùy vào sự tập hợp của các hợp thể tâm lý và vật lý. Suy luận này có hai chiều: con người không thể tìm ra, nhưng hiện hữu tùy thuộc vào cái tên gán vào hợp thể, là giả danh. Vậy theo phương pháp tiếp cận này, thấy tánh không là thấy được sự thiếu vắng những đặc tính độc lập, cố định. Cần phải nhìn ra đối tượng phủ định trước khi có khả năng

chúng ngộ về tánh không. Vấn đề này rất sâu rộng cần phải nói thật nhiều. Thầy nghĩ quý vị cũng nên biết.

Hỏi. Xin thầy chỉ cho biết đối tượng phủ định trong bài nhật tụng Kalachakra.

Đáp. Thường chúng ta hay nói đến tánh không của con người, của cái ly, của những vật bên ngoài. Thầy nhớ kinh nghiệm đầu tiên của thầy trong đời này là khi nghe đức Dalai Lama nói rằng ngay chính Tam bảo cũng chỉ là không, cũng chỉ là giả danh. Thầy nghe xong giật mình. Thầy xuất gia, cúng dường tất cả cho Tam bảo, trọn vẹn ước nguyện, hy vọng, chờ đợi đều đặt ở tâm qui y tam bảo, bỗng dưng nghe nói Tam bảo cũng không có tự tánh, cũng chỉ là giả danh. Thật như một cú sốc trong tim, một cảm giác mát mát, trống vắng, như vừa đánh mất một điều gì trân quý vô cùng.

Điều này thật sự gây khủng hoảng. Thường thường chúng ta có khuynh hướng thích tánh không vì tánh không phủ nhận tất cả những điều tiêu cực như tham lam, giận dữ, phiền não, ác nghiệp v.v..., tất cả đều có thể tịnh hoá nhờ thiền quán tánh không. Chúng ta cảm thấy rất phấn khởi tu tập tánh không. Rồi bỗng dưng lại nghe nói ngay cả những điều tốt đẹp trong cuộc sống, như Tam bảo, như những vị thầy đã đạt đạo, cũng không có tự tánh, cũng chỉ là giả danh, điều này khiến chúng ta cảm thấy sợ hãi bất an. Trong trường hợp này, đối tượng

phủ định là tính chất cố định mà chúng ta lầm lẫn gán lên Tam bảo, lên đấng đạo sư.

Phương pháp phân tích tìm đối tượng phủ định này có thể được hành trì ở nhiều chỗ trong bài tụng Đạo sư du già. Ví dụ như khi khởi hiện thân Phật Kalachakra, quý vị phải luôn luôn nhớ tới tánh không của cảnh Phật trong quán tưởng. Bằng không sẽ có khuynh hướng tưởng lầm thân Phật và cảnh Phật hiện ra có tự tánh. Ví dụ khi quán tưởng ánh sáng và nước cam lồ rót xuống, nếu không nhớ nghĩ về tánh không, sẽ thấy từng bọt ánh sáng với từng giọt nước lớn đổ trên đầu. Hết 90% người tu khi tiến đến giai đoạn này thường mê đắm cảm giác hi lạp, luôn có khuynh hướng quên mất tánh không của kinh nghiệm đang hiện trong quán tưởng. Ví dụ khi quán tưởng mình là Kalachakra, quý vị sẽ có cảm giác rất rõ rệt: “tôi là Kalachakra, tôi là Kalachakra”, nhưng nếu không hiểu vì sao lại có chuyện như vậy xảy ra, không hiểu về nền tảng của tánh không, sẽ có khuynh hướng thấy thân tự khởi hiện Kalachakra này là chắc thật, là có tự tánh.

Thầy còn nhớ lúc nhỏ khi nhận pháp quán đánh, vì quá nhỏ nên không ai giải thích tận tường về tánh không cho thầy nghe, các sư phụ của thầy chỉ đơn giản nói rằng bây giờ con quán tưởng tánh không, rồi từ tánh không khởi hiện đức Bạch y Quan Âm v.v... Thầy lúc đó quán tưởng thân mình vỡ tan thành từng tế bào li ti, rồi tan biến hết. Đột nhiên một vệt ánh sáng hiện ra, từ từ tụ lại thành hình Phật. Thầy lúc nhỏ khởi

hiện thân Phật từ tánh không theo cách này. Thấy nghĩ phần lớn quý vị cũng làm giống như vậy.

Đây đương nhiên không phải là cách quán tưởng tốt nhất. Muốn quán tánh không, trước hết phải quán về sự không có tự tánh của cái tôi, rồi từ tánh không của cái tôi mà khởi hiện thân Phật. Còn tưởng tượng thân vật lý của mình tan biến đi rồi lại hiện thành ánh sáng với hình tướng Phật, làm như vậy thật ra không đúng cách lắm. Chúng ta cần quán về đối tượng phủ định, quán thấy đối tượng phủ định này vốn không có, trên suốt đường tu. Ví dụ khi lạy sám hối, khi cúng dường, tán dương Phật, v.v..., lúc nào cũng là cơ hội tốt để quý vị tìm đối tượng phủ định. Khi khởi hiện thân Phật, khi tụng chú, bất cứ lúc nào quý vị cũng nên nhận diện đối tượng phủ định để thiên quán tánh không.

Hỏi. Nên tụng minh chú danh xưng đạo sư và quán nước cam lồ thanh tịnh chảy xuống nơi bốn chỗ Om Ah Hung Ho của bốn pháp quán đánh, hay là nên tụng và quán tưởng khi đọc tới đoạn các vị Phật trong mạn đà la truyền pháp quán đánh?

Đáp. Cả hai đều được. Phương pháp trước là phương pháp nhận pháp quán đánh rút gọn, phương pháp sau là phương pháp chi tiết hơn. Theo phương pháp ngắn gọn, khi đọc minh chú danh xưng đạo sư, nước cam lồ và ánh sáng ngũ sắc rót xuống, quý vị nhận pháp quán đánh tương đương. Còn theo phương pháp chi tiết, phải quán tưởng từ trái tim của vị đạo sư

hiện ra toàn thể mạn đà la cùng chư tôn thánh và chư Phật cư trú trong ấy, đấng Bồ Tôn Pháp Chủ truyền đủ bốn pháp quán đánh. Phải quán tưởng đấng Bồ Tôn Pháp Chủ mạn đà la trong quán tưởng là một với đấng Bồ Tôn Pháp Chủ thật sự, từ đó truyền pháp quán đánh, khởi hiện các vị thiên nữ truyền pháp v.v..., đây là cách nhận pháp quán đánh chi tiết, cả hai đều được.

Hỏi. Làm sao có thể duy trì tâm kiêu hãnh nhiệm màu trong khoảng thời gian xuất thiền. Điều này rất khó làm.

Đáp. Phải cố gắng duy trì liên tục tâm kiêu hãnh nhiệm màu. Phải luôn nhớ là mình đang khởi hiện thân Phật, và giữ tâm kiêu hãnh nhiệm màu với thân của đấng Bồ Tôn Pháp Chủ mạn đà la mình đang mang. Khi xuất thiền, phải luôn luôn tự nhắc mình nhớ như vậy.

Người mới tu học không thể nào mang thân Phật suốt cả ngày, vì thật khó có thể trong mỗi phút giây đều hiện đủ mọi tướng và tánh của Phật. Quý vị có thể chia một ngày ra thành nhiều phần, rồi chọn một vài thời điểm nhất định, ví dụ cuối buổi thiền, hãy gắng nhớ về tướng và tánh của Phật trong khoảng thời gian ngắn thôi. Hay ví dụ khi thức dậy, trước khi ăn, khởi hiện đầy đủ thân Phật, cúng dường bữa ăn, hay như khi lạy sám hối, chọn những thời điểm cố định trong ngày, ráng nhớ về thân Phật trong những lúc đó.

Bao giờ quý vị đủ khả năng nhớ nghĩ về tướng và tánh của đấng Bồ Tôn Pháp Chủ mạn đà la trong mọi lúc, khi ấy làm bất cứ việc gì cũng sẽ tích tụ được tánh đức của Phật. Khởi hiện thân Phật một vài lần trong ngày để hơn là 24 tiếng liên tục. Có lần, có một vị thầy tu quán tưởng mình là đấng Bồ Tôn Pháp Chủ mạn đà la, sư phụ bảo anh ta rót nước, anh ta ngần ngừ không biết nên cầm ấm nước bằng tay nào, tay này, hay tay kia? tâm kiêu hãnh nhiệm màu của anh ta quá mạnh, đến độ hết cả tay để cầm ấm nước. Anh ta bèn hỏi sư phụ: “tay này không được, tay này cũng không được, vậy cầm bằng tay nào?” thầy anh ta nói “vớ hai bàn tay chắc thật của con!”.

Hỏi. Vì sao lại gọi Kalachakra là mật pháp trung tính [*neutral tantra*]?

Đáp. Để hiểu về vấn đề này, chúng ta nên nói qua về đại sư Tông Khách Ba. Đại sư là người đã từng nghiên cứu rất sâu rộng về tác phẩm của các vị hiền thánh Ấn độ, cùng nhiều tài liệu lịch sử liên quan đến các vị tổ sư chấp trì dòng truyền thừa. Đại sư dạy rằng ngày xưa Mật tông tối thượng du già thường phân biệt mật pháp cha [*father tantras*], mật pháp mẹ [*mother tantras*], và mật pháp bất nhị [*non-dual tantras*].

Ví dụ *Yamantaka* và *Guhyasamaja* là hai mật pháp cha, còn *Heruka*, *Hevajra* là mật pháp mẹ. Đại sư *Tsong Khapa* sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng về việc này, giải thích rằng phân loại như vậy là dựa vào nội dung chính của mỗi mật pháp. Mật pháp

cha chủ yếu nhấn mạnh phương pháp thành tựu báo thân. Mật pháp mẹ chủ yếu nhấn mạnh phương pháp thành tựu pháp thân. Còn mật pháp bất nhị thì nhấn mạnh phương pháp tu kết hợp thân và tâm nhiệm màu của Phật.

Nói tới mật pháp bất nhị là nói tới sự kết hợp không hai giữa hai lãnh vực qui ước và cứu cánh. Lãnh vực qui ước là đường tu phương tiện, dẫn đến thành tựu báo thân. Lãnh vực cứu cánh là đường tu trí tuệ, dẫn đến pháp thân. Vì phương pháp tu này không phân chia hai lãnh vực phương tiện và trí tuệ, nên gọi là bất nhị. Đại sư Tsong Khapa nói rằng mọi mật pháp thuộc về Mật tông tối thượng du già nói cho thật chính xác thì đều phải gọi là mật pháp bất nhị, vì tất cả đều hướng dẫn cách tu kết hợp phương tiện và trí tuệ. Nhìn theo góc độ này, đại sư nói *Yamantaka*, *Guhyasamaja* hay *Heruka*, Kalachakra, đều là mật pháp bất nhị, vì tất cả mật pháp trong Mật tông tối thượng du già đều là như vậy, chứ không phải chỉ riêng mình Kalachakra.

Tuy nhiên nếu nhìn theo góc độ khác, xét tỉ mỉ nội dung thì Kalachakra đặc biệt nói đến Đại lạc bất động tối thượng. Đây là tên khác của tâm chân như [mind of clear light]. Vì pháp tu bất nhị trong Kalachakra đặc biệt dựa trên tâm chân như, nên đại sư Tsong Khapa gọi Kalachakra là mật pháp mẹ. Hai cách xếp loại này không mâu thuẫn.

Hỏi. Chúng sinh trong vô sắc giới không có thân hình vật lý như chúng sinh trong dục giới. Vậy thân vô sắc của Kalachakra so với thân của chúng sinh trong vô sắc giới khác nhau ra sao?

Đáp. Có những vị bồ tát trú trong vô sắc giới, thiên quán về tâm bồ đề, hay về tánh không kết hợp với tâm bồ đề, nhưng không thể có ai trong vô sắc giới lại có khả năng vận dụng khí và tâm vi tế để quán tánh không, thành tựu thân Phật màu nhiệm. Lý do rất đơn giản: phương pháp tu này dựa trên một loại thân thể vật lý mà chỉ loài người trong thế giới hệ này mới có. Đọc kệ kinh thấy có những vị bồ tát ở những cõi tịnh độ, hay ở ngoài thế giới hệ này, thường phát nguyện được sinh vào loài người để có được thân người như chúng ta đang có đây. Nhìn trên phương diện này, chúng ta có thể thấy thân người vốn mang sẵn một tiềm năng vô giá, đến các vị bồ tát cao trọng cũng nguyện mong có được thân người như vậy để có thể vận dụng khí tâm vi tế mà quán chiếu tánh không, thành tựu sắc thân Phật. Nói như vậy để quý vị hiểu thân người quý giá ra sao, đừng bao giờ phí phạm.

Hỏi. Vì sao Kalachakra lại liên quan đến hòa bình thế giới

Đáp: Nói chung tất cả mọi giáo pháp Phật dạy đều liên quan đến hòa bình thế giới. Tuy vậy, nếu nhìn lại mật pháp *Heruka*, hay *Yamantaka* v.v..., sẽ không thấy có nơi nào nói tới mối tương quan giữa vũ trụ bên ngoài (các hành tinh, tinh tú, thiên

hà v.v...) và hệ thống khí mạch bên trong (khí, khí mạch, giọt tinh chất v.v...). Trong mạn đà la Kalachakra có ba vòng tròn tượng trưng cho thân, ngữ và ý. Vòng lớn nhất phía bên ngoài là mạn đà la thân, ở đó trú ngụ 360 tôn thánh, mỗi vị tương ứng với một ngày trong năm: một năm 12 tháng mỗi tháng 30 ngày tổng cộng là 360 vị. Vậy mỗi vị tôn thánh trong mạn đà la thân liên quan đến một ngày trong năm, nói cách khác, liên quan đến một tinh hà¹.

Vòng tròn nhỏ hơn phía trong là mạn đà la ngữ. Chư tôn thánh ở đây trú ở nhiều nơi khác nhau, liên quan đến hệ thống khí mạch, tâm mạch, đến những luồng khí cũng như sự chuyển động của khí và giọt tinh chất v.v... Đây là tám bản đồ của tất cả mọi thành phần vật lý trong cơ thể chúng ta.

Vòng tròn nhỏ nhất phía trong cùng là mạn đà la ý. Chư tôn thánh trú ngụ ở đây là những đấng Như lai, tượng trưng cho tập hợp tâm lý và vật lý [uẩn], cho các yếu tố vật lý [đại] v.v... Nói như vậy để thấy toàn thể chúng sinh, từng cá nhân một, vũ trụ bên ngoài, toàn bộ môi trường sống, tất cả đều đồng loạt hiện trong mạn đà la Kalachakra trong sắc thái thanh tịnh nhất. Mật pháp Kalachakra chủ yếu chỉ dẫn phương pháp tịnh hóa tất cả mọi sắc thái ô nhiễm thô lậu của toàn bộ nội tâm ngoại cảnh, để chuyển hóa thành sắc thân trong sáng thanh tịnh. Quá

ⁱ a star constellation

trình tịnh hóa này cũng mang năng lực hộ trì về cho thế giới xung quanh.

Vậy điều này khá đơn giản. Mọi vấn đề xảy ra trong thế giới đều hoặc đến từ ngoại cảnh hoặc đến từ nội tâm. Kalachakra đối trị cả nội tâm lẫn ngoại cảnh, thuần phục tất cả bằng phương pháp tu rất đặc biệt. Vì vậy mà chúng ta thường nghe nói đến mối liên hệ đặc biệt giữa Kalachakra và hòa bình thế giới.

Các nhà thiên văn học Tây tạng từ xưa đã có khả năng đoán trước nhật thực, nguyệt thực, với bao nhiêu phần bị che khuất. Phương pháp dự đoán này khá chính xác, là nhờ căn cứ theo mật pháp Kalachakra để tính sự chuyển động của các hành tinh, tinh tú, hay thiên hà. Mật kinh Kalachakra nói về Thiên văn học chính xác như vậy, nên thầy tin Kalachakra chắc chắn có tiềm năng rất lớn, đủ sức giúp tịnh hóa cá nhân con người cũng như môi trường sống xung quanh, mang hoà bình về cho thế giới.

Thầy hy vọng buổi nói chuyện này mang lại lợi lạc đến cho tất cả quý vị. [Hết]



hongnhu-archives
www.hongnhu.org

FREE BOOK – NOT FOR SALE
SÁCH ẨM TỔNG – KHÔNG BÁN